BỘ CÔNG AN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 5710 /QĐ-BCA-C06	*Hà Nội, ngày 01 tháng 7 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ trong lĩnh vực cấp, quản lý căn cước thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Công an

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG AN

Căn cứ Luật Căn cước số 26/2023/QH15 ngày 27/11/2023;

Nghị quyết 190/2025/QH15 ngày 19/2/2025 của Quốc hội khóa XV quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 70/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước;

Căn cứ Nghị định số 02/2025/NĐ-CP ngày 18/02/2025 của Chính phủ, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội tại Tờ trình số 4322/TTr-C06 ngày 29/6/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này **15** thủ tục hành chính mới ban hành, **11** thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ **16** thủ tục hành chính trong lĩnh vực cấp, quản lý căn cước thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Công an (*có danh mục, nội dung cụ thể của từng thủ tục hành chính và các biểu mẫu là thành phần hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính kèm theo*).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ; Giám đốc Công an các tỉnh, thành phố và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Văn phòng Chính phủ;
- Các đồng chí Thứ trưởng Bộ Công an;
- Như Điều 3;
- Cổng thông tin điện tử Bộ Công an (để công bố);
- Cổng dịch vụ công Bộ Công an (để công bố);
- Lưu: VT, C06 (TTDLDC).

BỘ TRƯỞNG

Đại tướng Lương Tam Quang

DANH MỤC CỤ THỂ

Các thủ tục hành chính mới ban hành và bị bãi bỏ trong lĩnh vực cấp, quản lý căn cước thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Công an

(Ban hành kèm theo Quyết định số5710 /QĐ-BCA-C06
Ngày 01 / 7 /2025 của Bộ trưởng Bộ Công an)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Thủ tục hành chính mới ban hành

TT	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định thủ tục hành chính mới ban hành	Cơ quan thực hiện	Lĩnh vực
A. Thủ tục hành chính cấp tỉnh				
1	Điều chỉnh thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước theo đề nghị của người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch	- Luật Căn cước năm 2023 - Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị - Hướng dẫn số 08/HD-BCA-C06 ngày 17/02/2025 của Bộ Công an.	Công an cấp tỉnh	Cấp, quản lý căn cước
2	Thu thập, cập nhật thông tin của người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước và cấp giấy chứng nhận căn cước.	- Luật Căn cước năm 2023 - Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị - Hướng dẫn số 08/HD-BCA-C06 ngày 17/02/2025 của Bộ Công an.	Công an cấp tỉnh	Cấp, quản lý căn cước
B. Thủ tục hành chính cấp xã				
1	Khai thác thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu căn cước	- Luật Căn cước năm 2023 - Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị - Hướng dẫn số 08/HD-BCA-C06 ngày 17/02/2025 của Bộ Công an.	Công an cấp xã	Cấp, quản lý căn cước
2	Khai thác thông tin của người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch trong Cơ sở dữ liệu căn cước	- Luật Căn cước năm 2023 - Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị - Hướng dẫn số 08/HD-BCA-C06 ngày 17/02/2025 của Bộ Công an.	Công an cấp xã	Cấp, quản lý căn cước
3	Thu thập, cập nhật thông tin sinh trắc học về ADN vào Cơ sở dữ liệu về căn cước	- Luật Căn cước năm 2023 - Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị - Hướng dẫn số 08/HD-BCA-C06 ngày 17/02/2025 của Bộ Công an.	Công an cấp xã	Cấp, quản lý căn cước
4	Thu thập, cập nhật thông tin sinh trắc học về giọng nói vào Cơ sở dữ liệu về căn cước	- Luật Căn cước năm 2023 - Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị - Hướng dẫn số 08/HD-BCA-C06 ngày 17/02/2025 của Bộ Công an.	Công an cấp xã	Cấp, quản lý căn cước
5	Tích hợp, cập nhật, điều chỉnh thông tin trên thẻ căn cước	- Luật Căn cước năm 2023 - Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị - Hướng dẫn số 08/HD-BCA-C06	Công an cấp xã	Cấp, quản lý căn cước

		ngày 17/02/2025 của Bộ Công an.		
6	Cấp thẻ căn cước cho người từ đủ 14 tuổi trở lên	- Luật Căn cước năm 2023 - Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị - Hướng dẫn số 08/HD-BCA-C06 ngày 17/02/2025 của Bộ Công an.	Công an cấp xã	Cấp, quản lý căn cước
7	Cấp thẻ căn cước cho người dưới 14 tuổi	- Luật Căn cước năm 2023 - Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị - Hướng dẫn số 08/HD-BCA-C06 ngày 17/02/2025 của Bộ Công an..	Công an cấp xã	Cấp, quản lý căn cước
8	Cấp đổi thẻ căn cước	- Luật Căn cước năm 2023 - Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị - Hướng dẫn số 08/HD-BCA-C06 ngày 17/02/2025 của Bộ Công an. - Thông tư số 73/2024/TT-BTC ngày 21/10/2025 của Bộ Tài chính	Công an cấp xã	Cấp, quản lý căn cước
9	Cấp lại thẻ căn cước	- Luật Căn cước năm 2023 - Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị - Hướng dẫn số 08/HD-BCA-C06 ngày 17/02/2025 của Bộ Công an. - Thông tư số 73/2024/TT-BTC ngày 21/10/2025 của Bộ Tài chính	Công an cấp xã	Cấp, quản lý căn cước
10	Thu thập, cập nhật thông tin của người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước và cấp giấy chứng nhận căn cước	- Luật Căn cước năm 2023 - Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị - Hướng dẫn số 08/HD-BCA-C06 ngày 17/02/2025 của Bộ Công an.	Công an cấp xã	Cấp, quản lý căn cước
11	Điều chỉnh thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước theo đề nghị của người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch	- Luật Căn cước năm 2023 - Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị - Hướng dẫn số 08/HD-BCA-C06 ngày 17/02/2025 của Bộ Công an.	Công an cấp xã	Cấp, quản lý căn cước
12	Cấp đổi giấy chứng nhận căn cước	- Luật Căn cước năm 2023 - Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị - Hướng dẫn số 08/HD-BCA-C06 ngày 17/02/2025 của Bộ Công an.	Công an cấp xã	Cấp, quản lý căn cước
13	Cấp lại giấy chứng nhận căn cước	- Luật Căn cước năm 2023 - Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị - Hướng dẫn số 08/HD-BCA-C06 ngày 17/02/2025 của Bộ Công an.	Công an cấp xã	Cấp, quản lý căn cước

2. Thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Cơ quan thực hiện	Lĩnh vực

A	**Thủ tục hành chính cấp Trung ương**				
1	1.000889	Cấp đổi thẻ căn cước	- Thông tư số 73/2024/TT-BTC ngày 21/10/2025 của Bộ Tài chính	Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Cấp, quản lý căn cước
2	1.000757	Cấp lại thẻ căn cước	- Thông tư số 73/2024/TT-BTC ngày 21/10/2025 của Bộ Tài chính	Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Cấp, quản lý căn cước
B	**Thủ tục hành chính cấp tỉnh**				
1	2.000200	Cấp thẻ căn cước cho người từ đủ 14 tuổi trở lên	- Luật Căn cước năm 2023 - Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị	Công an cấp tỉnh	Cấp, quản lý căn cước
2	1.012549	Cấp thẻ căn cước cho người dưới 14 tuổi	- Luật Căn cước năm 2023 - Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị	Công an cấp tỉnh	Cấp, quản lý căn cước
3	1.012546	Thu thập, cập nhật thông tin sinh trắc học về ADN vào Cơ sở dữ liệu về căn cước	- Luật Căn cước năm 2023 - Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị	Công an cấp tỉnh	Cấp, quản lý căn cước
4	1.012547	Thu thập, cập nhật thông tin sinh trắc học về giọng nói vào Cơ sở dữ liệu về căn cước	- Luật Căn cước năm 2023 - Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị	Công an cấp tỉnh	Cấp, quản lý căn cước
5	1.012548	Tích hợp, cập nhật, điều chỉnh thông tin trên thẻ căn cước	- Luật Căn cước năm 2023 - Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị	Công an cấp tỉnh	Cấp, quản lý căn cước
6	2.001196	Cấp đổi thẻ căn cước	- Luật Căn cước năm 2023 - Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị - Thông tư số 73/2024/TT-BTC ngày 21/10/2025 của Bộ Tài chính	Công an cấp tỉnh	Cấp, quản lý căn cước
7	2.001194	Cấp lại thẻ căn cước	- Luật Căn cước năm 2023 - Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị - Thông tư số 73/2024/TT-BTC ngày 21/10/2025 của Bộ Tài chính	Công an cấp tỉnh	Cấp, quản lý căn cước
8	1.012550	Cấp đổi giấy chứng nhận căn cước	- Luật Căn cước năm 2023 - Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị	Công an cấp tỉnh	Cấp, quản lý căn cước
9	1.012551	Cấp lại giấy chứng nhận căn cước	- Luật Căn cước năm 2023 - Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị	Công an cấp tỉnh	Cấp, quản lý căn cước

3. Thủ tục hành chính bị bãi bỏ

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định thủ tục hành chính bị bãi bỏ	Cơ quan thực hiện	Lĩnh vực
C. Thủ tục hành chính cấp huyện					
1	1.012552	Khai thác thông tin của người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư	Nghị định số 02/2025/NĐ-CP ngày 17/02/2025 của Chính phủ	Công an cấp huyện	Cấp, quản lý căn cước
2	1.012553	Khai thác thông tin của người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch trong Cơ sở dữ liệu căn cước	Nghị định số 02/2025/NĐ-CP ngày 17/02/2025 của Chính phủ	Công an cấp huyện	Cấp, quản lý căn cước
3	1.012554	Thu thập, cập nhật thông tin sinh trắc học về ADN vào Cơ sở dữ liệu về căn cước	Nghị định số 02/2025/NĐ-CP ngày 17/02/2025 của Chính phủ	Công an cấp huyện	Cấp, quản lý căn cước
4	1.012555	Thu thập, cập nhật thông tin sinh trắc học về giọng nói vào Cơ sở dữ liệu về căn cước	Nghị định số 02/2025/NĐ-CP ngày 17/02/2025 của Chính phủ	Công an cấp huyện	Cấp, quản lý căn cước
5	1.012556	Tích hợp, cập nhật, điều chỉnh thông tin trên thẻ căn cước	Nghị định số 02/2025/NĐ-CP ngày 17/02/2025 của Chính phủ	Công an cấp huyện	Cấp, quản lý căn cước
6	1.012557	Cấp thẻ căn cước cho người dưới 14 tuổi	Nghị định số 02/2025/NĐ-CP ngày 17/02/2025 của Chính phủ	Công an cấp huyện	Cấp, quản lý căn cước
7	1.012560	Điều chỉnh thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước theo đề nghị của người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch	Nghị định số 02/2025/NĐ-CP ngày 17/02/2025 của Chính phủ	Công an cấp huyện	Cấp, quản lý căn cước
8	1.012559	Thu thập, cập nhật thông tin của người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước và cấp giấy chứng nhận căn cước	Nghị định số 02/2025/NĐ-CP ngày 17/02/2025 của Chính phủ	Công an cấp huyện	Cấp, quản lý căn cước
9	1.012561	Cấp đổi giấy chứng nhận căn cước	Nghị định số 02/2025/NĐ-CP ngày 17/02/2025 của	Công an cấp huyện	Cấp, quản lý căn cước

			Chính phủ		
10	1.012562	Cấp lại giấy chứng nhận căn cước	Nghị định số 02/2025/NĐ-CP ngày 17/02/2025 của Chính phủ	Công an cấp huyện	Cấp, quản lý căn cước
11	1.010099	Khai thác thông tin của công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư	Nghị định số 02/2025/NĐ-CP ngày 17/02/2025 của Chính phủ	Công an cấp huyện	Cấp, quản lý căn cước
12	1.010100	Khai thác thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu căn cước	Nghị định số 02/2025/NĐ-CP ngày 17/02/2025 của Chính phủ	Công an cấp huyện	Cấp, quản lý căn cước
13	2.001177	Cấp thẻ căn cước cho người từ đủ 14 tuổi trở lên	Nghị định số 02/2025/NĐ-CP ngày 17/02/2025 của Chính phủ	Công an cấp huyện	Cấp, quản lý căn cước
14	2.000408	Cấp đổi thẻ căn cước	Nghị định số 02/2025/NĐ-CP ngày 17/02/2025 của Chính phủ	Công an cấp huyện	Cấp, quản lý căn cước
15	2.000377	Cấp lại thẻ căn cước	Nghị định số 02/2025/NĐ-CP ngày 17/02/2025 của Chính phủ	Công an cấp huyện	Cấp, quản lý căn cước
16	2.000677	Cấp xác nhận số chứng minh nhân dân 09 số, số định danh cá nhân	Nghị định số 02/2025/NĐ-CP ngày 17/02/2025 của Chính phủ	Công an cấp huyện	Cấp, quản lý căn cước

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, ĐƯỢC THAY THẾ TRONG LĨNH VỰC CẤP, QUẢN LÝ CĂN CƯỚC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA BỘ CÔNG AN

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH

I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

1. Điều chỉnh thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước theo đề nghị của người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch

1.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch đến cơ quan quản lý căn cước của Công an cấp tỉnh đề nghị điều chỉnh thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước.

- Bước 2: Cán bộ tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra, xác minh tính pháp lý, tính chính xác của các thông tin trước khi điều chỉnh trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước.

Trường hợp từ chối điều chỉnh thông tin thì phải trả lời, nêu rõ lý do và cấp thông báo về việc từ chối giải quyết thủ tục về căn cước (Mẫu CC03 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an).

- Bước 3: Trường hợp đủ điều kiện giải quyết thì cấp giấy hẹn trả kết quả giải quyết thủ tục về căn cước (Mẫu CC02 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an).

1.2. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại trụ sở cơ quan quản lý căn cước của Công an cấp tỉnh.

- Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 và sáng thứ 7 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật).

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a. Thành phần hồ sơ:

Phiếu đề nghị giải quyết thủ tục về căn cước (Mẫu DC02 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an);

b. Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

1.4. Thời hạn giải quyết: không quá 05 ngày làm việc.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch có nhu cầu điều chỉnh thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước.

1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: cơ quan quản lý căn cước của Công an cấp tỉnh.

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Thông báo kết quả điều chỉnh thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước.

1.8. Lệ phí: Không thu lệ phí

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Phiếu đề nghị giải quyết thủ tục về căn cước (Mẫu DC02 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an);

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: không

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Căn cước số 26/2023/QH15 ngày 27/11/2023.

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị.

- Nghị định số 70/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước.

- Thông tư số 16/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định về mẫu thẻ căn cước, mẫu giấy chứng nhận căn cước.

- Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước.

- Thông tư số 18/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định về quy trình cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước, giấy chứng nhận căn cước.

- Hướng dẫn số 08/HD-BCA-C06 ngày 17/02/2025 của Bộ Công an.

2. Thu thập, cập nhật thông tin của người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước và cấp giấy chứng nhận căn cước

2.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch đến cơ quan quản lý căn cước của Công an cấp tỉnh nơi đang cư trú để thực hiện thủ tục.

Người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch tiến hành kê khai thông tin theo mẫu Phiếu thu thập thông tin dân cư và cung cấp các giấy tờ, tài liệu khác liên quan đến bản thân và gia đình (nếu có).

- Bước 2: Cán bộ thu nhận tiếp nhận thông tin kê khai của người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch và thu nhận vân tay, chụp ảnh khuôn mặt, thu nhận ảnh mống mắt của người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch (không thu nhận vân tay, ảnh khuôn mặt, mống mắt của người dưới 06 tuổi).

- Bước 3: In Phiếu thu nhận thông tin căn cước; Phiếu thu thập thông tin dân cư chuyển cho người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch kiểm tra, ký xác nhận.

- Bước 4: Cơ quan quản lý căn cước của Công an cấp tỉnh phối hợp với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan kiểm tra, xác minh thông tin về người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch đã kê khai.

- Bước 5: Cơ quan quản lý căn cước của Công an cấp tỉnh

chuyển thông tin của người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch tới cơ quan quản lý căn cước của Bộ Công an để kiểm tra, đối sánh thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước để thực hiện xác lập số định danh cá nhân và cấp giấy chứng nhận căn cước.

+ Trường hợp người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch không đủ điều kiện thu thập, cập nhật thông tin dân cư, cấp giấy chứng nhận căn cước thì từ thông báo cho người đó và nêu rõ lý do, thông báo về việc từ chối giải quyết thủ tục về căn cước (Mẫu CC03 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an).

- Bước 6: Nhận kết quả trực tiếp tại cơ quan quản lý căn cước của Công an cấp tỉnh hoặc trả qua dịch vụ bưu chính đến địa chỉ theo yêu cầu.

2.2. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại trụ sở cơ quan quản lý căn cước của Công an cấp tỉnh.

- Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 và sáng thứ 7 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật).

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a. Thành phần hồ sơ:

- Phiếu thu nhận thông tin căn cước (Mẫu CC01 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an); Phiếu được tạo lập khi trích xuất thông tin của người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và in trong quá trình thu nhận hồ sơ căn cước để người đó kiểm tra và ký xác nhận.

- Phiếu thu thập thông tin dân cư (Mẫu DC01 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an);

b. Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

2.4. Thời hạn giải quyết: Không quá 15 ngày (không tính thời gian kiểm tra, xác minh thông tin về người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch đã kê khai để thu thập thông tin dân cư).

2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch chưa có thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

2.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: cơ quan quản lý căn cước của Công an cấp tỉnh.

2.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Thông tin của người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch được thu thập, cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

Giấy chứng nhận căn cước (mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 16/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an);

2.8. Lệ phí: Không thu lệ phí

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Phiếu thu nhận thông tin căn cước (Mẫu CC01 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an);

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch có thời gian sinh sống tại địa bàn từ 06 tháng trở lên.

2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Căn cước số 26/2023/QH15 ngày 27/11/2023.

- Nghị định số 70/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước.

- Thông tư số 16/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định về mẫu thẻ căn cước, mẫu giấy chứng nhận căn cước.

- Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước.

- Thông tư số 18/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định về quy trình cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước, giấy chứng nhận căn cước.

- Hướng dẫn số 08/HD-BCA-C06 ngày 17/02/2025 của Bộ Công an.

II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

1. Thủ tục: Khai thác thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu căn cước

1.1. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Cơ quan, tổ chức, cá nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật.

Bước 2: Nộp hồ sơ tại Công an cấp xã hoặc Bộ phận Một cửa cấp xã (nếu đã triển khai).

Bước 3: Cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ.

- Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận hồ sơ và cấp giấy hẹn trả kết quả (Mẫu CC02 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an)

- Trường hợp hồ sơ không đầy đủ thì hướng dẫn cơ quan, tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ; trường hợp hồ sơ không hợp lệ thì từ chối tiếp nhận và nêu rõ lý do, thông báo về việc từ chối giải quyết thủ tục về căn cước (Mẫu CC03 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an).

Bước 4: Cơ quan, tổ chức, cá nhân nhận văn bản trả lời tại cơ quan quản lý căn cước của Công an cấp xã, Bộ phận một cửa cấp xã (nếu đã triển khai), văn bản điện tử hoặc chuyển phát đến địa chỉ theo yêu cầu.

1.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Công an cấp xã hoặc Bộ phận một cửa cấp xã (nếu đã triển khai).

- Nộp hồ sơ trực tuyến thông qua Ứng dụng định danh quốc gia.

- Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính (nếu có).

- Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 và sáng thứ 7 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật).

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a. Thành phần hồ sơ:

- Phiếu đề nghị giải quyết thủ tục về căn cước (Mẫu DC02 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an) trong đó nêu rõ mục đích, nội dung, phạm vi thông tin cần khai thác trong Cơ sở dữ liệu căn cước và cam đoan về việc chịu trách nhiệm trong sử dụng thông tin khi được khai thác.

- Xuất trình giấy tờ, tài liệu, thông tin hợp lệ chứng minh thông tin người đến nộp hồ sơ.

b. Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

1.4. Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan, tổ chức quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm đ khoản 1 Điều 17 Nghị định số 70/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024.

- Cá nhân quy định tại điểm d và điểm đ khoản 1 Điều 17 Nghị định số 70/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024.

1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Công an cấp xã hoặc Bộ phận Một cửa cấp xã (nếu đã triển khai).

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Phiếu cung cấp thông tin trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cơ sở dữ liệu căn cước (Mẫu DC03 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an) bằng văn bản giấy hoặc văn bản điện tử.

1.8. Phí: Chưa quy định.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Phiếu đề nghị giải quyết thủ tục về căn cước (Mẫu DC02 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an).

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Tổ chức, cá nhân không thuộc quy định tại điểm a, điểm b, điểm c và điểm d khoản 1 Điều 17, Nghị định số 70/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 của Chính phủ được khai thác thông tin cá nhân trong Cơ sở dữ liệu căn cước để phục vụ hoạt động xác thực điện tử, phát triển kinh tế số, xã hội số, công dân số khi được công dân đó đồng ý.

- Trường hợp khai thác thông tin của người bị mất năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi theo quy định của Bộ luật Dân sự, người dưới 14 tuổi, người bị tuyên bố mất tích, người đã chết phải được sự đồng ý của cơ quan quản lý căn cước và một trong những người đại diện hợp pháp, người thừa kế theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 16 Luật Căn cước.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Căn cước số 26/2023/QH15 ngày 27/11/2023.

- Nghị định số 70/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước.

- Thông tư số 16/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định về mẫu thẻ căn cước, mẫu giấy chứng nhận căn cước.

- Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước.

- Thông tư số 18/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định về quy trình cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước, giấy chứng nhận căn cước.

- Hướng dẫn số 08/HD-BCA-C06 ngày 17/02/2025 của Bộ Công an.

2. Thủ tục: Khai thác thông tin người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch trong Cơ sở dữ liệu căn cước.

2.1. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Cơ quan, tổ chức, cá nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật.

Bước 2: Nộp hồ sơ tại Công an cấp xã hoặc Bộ phận một cửa cấp xã (nếu đã triển khai).

Bước 3: Cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ.

- Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận hồ sơ và cấp giấy hẹn trả kết quả giải quyết thủ tục về căn cước (Mẫu CC02 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an).

- Trường hợp hồ sơ không đầy đủ thì hướng dẫn người đề nghị bổ sung, hoàn thiện hồ sơ; trường hợp hồ sơ không hợp lệ thì từ chối tiếp nhận và nêu rõ lý do, thông báo về việc từ chối giải quyết thủ tục về căn cước (Mẫu CC03 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an).

Bước 4: Cơ quan, tổ chức, cá nhân nhận văn bản trả lời của Công an cấp xã, văn bản điện tử hoặc dịch vụ bưu chính phát đến địa chỉ theo yêu cầu (nếu có).

2.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Công an cấp xã hoặc Bộ phận một cửa cấp xã (nếu đã triển khai).

- Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính (nếu có).

- Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 và sáng thứ 7 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật).

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a. Thành phần hồ sơ:

- Phiếu đề nghị giải quyết thủ tục về căn cước (Mẫu DC02 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an) trong đó nêu rõ mục đích, nội dung, phạm vi thông tin cần cung cấp, cam đoan chịu trách nhiệm trong sử dụng nội dung thông tin khi được cung cấp.

- Xuất trình giấy tờ, tài liệu, thông tin hợp lệ chứng minh thông tin người đến nộp hồ sơ.

b. Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

2.4. Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc.

2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc khai thác thông tin người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch trong cơ sở dữ liệu căn cước.

2.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Công an cấp xã hoặc Bộ phận một cửa cấp xã (nếu đã triển khai).

2.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Phiếu cung cấp thông tin trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cơ sở dữ liệu căn cước (văn bản giấy hoặc văn bản điện tử) (Mẫu DC03 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an).

2.8. Phí: Chưa quy định.

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Phiếu đề nghị giải quyết thủ tục về căn cước (Mẫu DC02 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an).

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Tổ chức, cá nhân không thuộc quy định tại điểm a, điểm b, điểm c và điểm d khoản 1 Điều 17, Nghị định số 70/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 của Chính phủ được khai thác thông tin cá nhân trong Cơ sở dữ liệu căn cước để

phục vụ hoạt động xác thực điện tử, phát triển kinh tế số, xã hội số, công dân số khi được người đó đồng ý.

- Trường hợp khai thác thông tin của người bị mất năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi theo quy định của Bộ luật Dân sự, người dưới 14 tuổi, người bị tuyên bố mất tích, người đã chết phải được sự đồng ý của cơ quan quản lý căn cước và một trong những người đại diện hợp pháp, người thừa kế theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 16 Luật Căn cước.

2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Căn cước số 26/2023/QH15 ngày 27/11/2023.

- Nghị định số 70/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước.

- Thông tư số 16/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định về mẫu thẻ căn cước, mẫu giấy chứng nhận căn cước.

- Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước.

- Hướng dẫn số 08/HD-BCA-C06 ngày 17/02/2025 của Bộ Công an.

3. Thủ tục: Thu thập, cập nhật thông tin sinh trắc học về ADN vào Cơ sở dữ liệu về căn cước

3.1. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Cá nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật.

Bước 2: Nộp hồ sơ tại Công an cấp xã trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú.

Bước 3: Cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ.

- Trường hợp thông tin sinh trắc học về ADN của công dân đã có trong hệ thống thông tin của cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 13 Nghị định số 70/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 thì trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đề nghị của công dân, Công an cấp xã có trách nhiệm phối hợp kiểm tra, đối sánh và xác thực đảm bảo tính chính xác của thông tin trước khi thu thập, cập nhật vào Cơ sở dữ liệu căn cước;

- Trường hợp thông tin sinh trắc học về ADN của công dân chưa có trong hệ thống thông tin của cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 13 Nghị định số 70/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 thì Công an cấp xã thông báo cho công dân bằng văn bản, nêu rõ lý do và hướng dẫn công dân thực hiện thu thập, cập nhật thông tin sinh trắc học về ADN vào hệ thống thông tin của cơ quan, tổ chức tại khoản 5 Điều 13 Nghị định số 70/2024/NĐ-CP.

- Trường hợp hồ sơ không đầy đủ thì hướng dẫn công dân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ; trường hợp hồ sơ không hợp lệ thì từ chối tiếp nhận và nêu rõ lý do,

thông báo về việc từ chối giải quyết thủ tục về căn cước (Mẫu CC03 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024).

3.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Công an cấp xã.

- Nộp hồ sơ trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công Bộ Công an, ứng dụng định danh quốc gia để đăng ký thời gian, địa điểm thực hiện thủ tục.

- Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 và sáng thứ 7 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật).

3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a. Thành phần hồ sơ:

- Phiếu đề nghị giải quyết thủ tục về căn cước (Mẫu DC02 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an).

- Giấy tờ, tài liệu có giá trị pháp lý xác thực kết quả xét nghiệm, phân tích, lưu trữ thông tin sinh trắc học về ADN của cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 13 Nghị định số 70/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước (nếu có).

- Xuất trình thẻ căn cước của công dân để cơ quan Công an kiểm tra, xác định đúng người đề nghị thực hiện thủ tục.

b. Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

3.4. Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc.

3.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: cá nhân có nhu cầu thu thập, cập nhật thông tin sinh trắc học về ADN vào Cơ sở dữ liệu về căn cước.

3.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Công an cấp xã.

3.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: thông báo kết quả thu thập, cập nhật thông tin sinh trắc học về ADN vào Cơ sở dữ liệu về căn cước.

3.8. Lệ phí: Chưa quy định.

3.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Phiếu đề nghị giải quyết thủ tục về căn cước (Mẫu DC02 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an).

3.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Thông tin sinh trắc học về ADN của công dân đã có trong hệ thống thông tin của cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 13 Nghị định số 70/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024.

3.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Căn cước số 26/2023/QH15 ngày 27/11/2023.

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị.

- Nghị định số 70/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước.

- Thông tư số 16/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định về mẫu thẻ căn cước, mẫu giấy chứng nhận căn cước.

- Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước.

- Thông tư số 18/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định về quy trình cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước, giấy chứng nhận căn cước.

- Hướng dẫn số 08/HD-BCA-C06 ngày 17/02/2025 của Bộ Công an.

4. Thủ tục: Thu thập, cập nhật thông tin sinh trắc học về giọng nói vào Cơ sở dữ liệu về căn cước

4.1. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Cá nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật.

Bước 2: Nộp hồ sơ tại Công an cấp xã trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú.

Bước 3: Cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ.

- Trường hợp thông tin sinh trắc học về giọng nói của công dân đã có trong hệ thống thông tin của cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 13 Nghị Định số 70/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 thì trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đề nghị của công dân, Công an cấp xã có trách nhiệm phối hợp kiểm tra, đối sánh và xác thực đảm bảo tính chính xác của thông tin trước khi thu thập, cập nhật vào Cơ sở dữ liệu căn cước.

- Trường hợp thông tin giọng nói của công dân chưa có trong hệ thống thông tin của cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 13 Nghị Định số 70/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 thì Công an cấp xã thực hiện trực tiếp thu thập thông tin sinh trắc học về giọng nói để cập nhật vào Cơ sở dữ liệu căn cước.

- Trường hợp hồ sơ không đầy đủ thì hướng dẫn công dân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ; trường hợp hồ sơ không hợp lệ thì từ chối tiếp nhận và nêu rõ lý do, thông báo về việc từ chối giải quyết thủ tục về căn cước (Mẫu CC03 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an).

4.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Công an cấp xã.

- Nộp hồ sơ trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công Bộ Công an, ứng dụng định danh quốc gia để đăng ký thời gian, địa điểm thực hiện thủ tục.

- Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 và sáng thứ 7 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật).

4.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a. Thành phần hồ sơ:

- Phiếu đề nghị giải quyết thủ tục về căn cước (Mẫu DC02 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an).

- Giấy tờ, tài liệu có giá trị pháp lý xác thực kết quả thu nhận, phân tích, lưu trữ giọng nói của cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 13 Nghị định số 70/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước (nếu có).

- Văn bản cam kết bảo đảm sức khỏe bình thường không ảnh hưởng đến giọng nói đối với trường hợp quy định tại điểm d khoản 7 Điều 13 Nghị định số 70/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước.

- Xuất trình thẻ căn cước của công dân để cơ quan Công an kiểm tra, xác định đúng người đề nghị thực hiện thủ tục.

b. Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

4.4. Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc.

4.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: cá nhân có nhu cầu thu thập, cập nhật thông tin sinh trắc học về giọng nói vào Cơ sở dữ liệu về căn cước.

4.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Công an cấp xã.

4.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: thông báo kết quả thu thập, cập nhật thông tin sinh trắc học về giọng nói vào Cơ sở dữ liệu về căn cước.

4.8. Lệ phí: Chưa quy định.

4.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Phiếu đề nghị giải quyết thủ tục về căn cước (Mẫu DC02 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an).

4.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Công dân cam kết tình trạng giọng nói bình thường, không bị ảnh hưởng trước khi thu thập, cập nhật vào Cơ sở dữ liệu về căn cước.

4.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Căn cước số 26/2023/QH15 ngày 27/11/2023.

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị.

- Nghị định số 70/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước.

- Thông tư số 16/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định về mẫu thẻ căn cước, mẫu giấy chứng nhận căn cước.

- Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước.

- Thông tư số 18/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định về quy trình cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước, giấy chứng nhận căn cước.

- Hướng dẫn số 08/HD-BCA-C06 ngày 17/02/2025 của Bộ Công an.

5. Thủ tục: Tích hợp, cập nhật, điều chỉnh thông tin trên thẻ căn cước

5.1. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Cá nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật.

Bước 2:

+ Công dân nộp hồ sơ tại Công an cấp xã trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú.

+ Công dân thông qua Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công Bộ Công an, ứng dụng định danh quốc gia lựa chọn thông tin cần tích hợp, cập nhật, điều chỉnh đã có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước và đăng ký thời gian với Công an cấp xã để thực hiện tích hợp, cập nhật, điều chỉnh thông tin trên thẻ căn cước.

Bước 3: Cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ.

- Chuyển yêu cầu tích hợp đến cơ quan quản lý căn cước của Bộ Công an kèm theo hồ sơ đề nghị cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước (Đối với trường hợp tích hợp thông tin trên thẻ căn cước khi thực hiện thủ tục cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước).

- Trường hợp thông tin đề nghị tích hợp, cập nhật, điều chỉnh chưa có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước thì Công an cấp xã thực hiện tiếp nhận và chuyển yêu cầu tích hợp, cập nhật, điều chỉnh thông tin tới cơ quan quản lý căn cước của Bộ Công an để xác thực thông tin đề nghị tích hợp thông qua cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành. Sau khi xác thực thành công thì thực hiện tích hợp, cập nhật, điều chỉnh thông tin vào thẻ căn cước.

- Trường hợp hồ sơ không đầy đủ thì hướng dẫn công dân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ; trường hợp hồ sơ không hợp lệ thì từ chối tiếp nhận và nêu rõ lý do, thông báo về việc từ chối giải quyết thủ tục về căn cước cước (Mẫu CC03 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an).

5.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Công an cấp xã.

- Nộp hồ sơ trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công Bộ Công an, ứng dụng định danh quốc gia để đăng ký thời gian, địa điểm thực hiện thủ tục tại Công an cấp xã.

- Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 và sáng thứ 7 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật).

5.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a. Thành phần hồ sơ:

- Phiếu đề nghị giải quyết thủ tục về căn cước cước (Mẫu DC02 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an)

- Xuất trình thẻ căn cước của công dân để cơ quan Công an kiểm tra, xác định đúng người đề nghị thực hiện thủ tục (đối với trường hợp tích hợp, cập nhật, điều chỉnh thông tin trên thẻ căn cước đã cấp).

- Phiếu thu nhận thông tin căn cước (Mẫu CC01 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA của Bộ Công an) đối với trường hợp tích hợp thông tin trên thẻ căn cước khi thực hiện thủ tục cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước.

b. Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

5.4. Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc.

5.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: cá nhân có nhu cầu tích hợp, cập nhật, điều chỉnh thông tin trên thẻ căn cước.

5.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Công an cấp xã.

5.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: thông báo kết quả tích hợp, cập nhật, điều chỉnh thông tin trên thẻ căn cước.

5.8. Lệ phí: Chưa quy định.

5.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Phiếu đề nghị giải quyết thủ tục về căn cước cước (Mẫu DC02 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an).

- Phiếu thu nhận thông tin căn cước (Mẫu CC01 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an) đối với trường hợp thực hiện tích hợp cùng thời điểm với cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước.

5.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Thông tin đề nghị tích hợp, cập nhật, điều chỉnh phải được xác thực qua Cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

5.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Căn cước số 26/2023/QH15 ngày 27/11/2023.

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị.

- Nghị định số 70/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước.

- Thông tư số 16/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định về mẫu thẻ căn cước, mẫu giấy chứng nhận căn cước.

- Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước.

- Thông tư số 18/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định về quy trình cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước, giấy chứng nhận căn cước.

- Hướng dẫn số 08/HD-BCA-C06 ngày 17/02/2025 của Bộ Công an.

6. Thủ tục: Cấp thẻ căn cước cho người từ đủ 14 tuổi trở lên

6.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1:

+ Công dân đến Công an cấp xã hoặc Bộ phận một cửa cấp xã trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú (nếu đã triển khai) đề nghị cấp thẻ căn cước.

+ Công dân thông qua Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công Bộ Công an, ứng dụng định danh quốc gia lựa chọn thủ tục cấp thẻ căn cước, kiểm tra thông tin của mình được khai thác trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Trường hợp thông tin chính xác thì đăng ký thời gian và địa điểm thực hiện thủ tục tại Công an cấp xã. Hệ thống sẽ xác nhận và tự động chuyển đề nghị của công dân đến Công an cấp xã nơi công dân đề nghị cấp thẻ căn cước;

- Bước 2: Công dân cung cấp thông tin gồm họ, chữ đệm và tên khai sinh, số định danh cá nhân, nơi cư trú để người tiếp nhận kiểm tra đối chiếu thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư;

- Bước 3: Cán bộ thu nhận thông tin công dân tìm kiếm thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để lập hồ sơ cấp thẻ căn cước..

+ Trường hợp thông tin công dân chưa có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư Cán bộ thu nhận đề nghị công dân xuất trình một trong các loại giấy tờ pháp lý chứng minh nội dung thông tin nhân thân và hướng dẫn thu thập, cập nhật thông tin vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư trước khi thực hiện thủ tục cấp thẻ căn cước.

+ Trường hợp thông tin công dân có sự thay đổi, điều chỉnh thì Cán bộ thu nhận hướng dẫn công dân thực hiện thủ tục điều chỉnh thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư trước khi thực hiện thủ tục cấp thẻ căn cước.

+ Trường hợp thông tin công dân không có sự thay đổi, điều chỉnh thì sử dụng thông tin của công dân trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để lập hồ sơ cấp Căn cước.

+ Trường hợp công dân không đủ điều kiện cấp thẻ căn cước thì từ chối tiếp nhận và nêu rõ lý do, thông báo về việc từ chối giải quyết thủ tục về căn cước (Mẫu CC03 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an).

- Bước 4: Tiến hành thu nhận vân tay, chụp ảnh khuôn mặt và thu nhận ảnh mống mắt của công dân.

- Bước 5: In Phiếu thu nhận thông tin căn cước, Phiếu thu thập thông tin dân cư (nếu có) chuyển cho công dân kiểm tra, ký xác nhận.

- Bước 6: Thu thẻ Căn cước công dân (nếu có), thu lệ phí (nếu có) và cấp giấy hẹn trả kết quả giải quyết thủ tục về căn cước (mẫu CC02 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an).

Bước 7: Nhận kết quả trực tiếp tại Công an cấp xã hoặc trả qua dịch vụ bưu chính đến địa chỉ theo yêu cầu.

6.2. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại địa điểm tiếp dân của Công an cấp xã hoặc Bộ phận Một cửa cấp xã (nếu đã triển khai) trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú.

- Thông qua Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công Bộ Công an, Ứng dụng định danh quốc gia để đăng ký thời gian, địa điểm làm thủ tục đề nghị cấp thẻ căn cước tại Công an cấp xã hoặc Bộ phận một cửa cấp xã trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú.

- Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 và sáng thứ 7 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật).

6.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a. Thành phần hồ sơ:

- Phiếu thu nhận thông tin căn cước (mẫu CC01 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an). Phiếu được tạo lập khi trích xuất thông tin của công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và in trong quá trình thu nhận hồ sơ căn cước để công dân kiểm tra và ký xác nhận.

- Phiếu đề nghị giải quyết thủ tục về căn cước (Mẫu DC02 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA của Bộ Công an). Phiếu này là biểu mẫu điện tử, công dân kê khai đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến.

- Trường hợp công dân chưa có thông tin trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thì hồ sơ còn có Phiếu thu thập thông tin dân cư (mẫu DC01 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an); Giấy tờ pháp lý chứa thông tin công dân.

b. Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

6.4. Thời hạn giải quyết: Không quá 07 ngày làm việc.

6.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Công dân Việt Nam từ đủ 14 tuổi trở lên.

6.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Công an cấp xã hoặc Bộ phận Một cửa cấp xã trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú.

6.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Thẻ căn cước (mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 16/2024/TT-BCA ngày 15/05/2024 của Bộ Công an);

6.8. Lệ phí: không.

6.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Phiếu thu nhận thông tin căn cước (mẫu CC01 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an).

6.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

6.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Căn cước số 26/2023/QH15 ngày 27/11/2023.

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị.

- Nghị định số 70/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước.

- Thông tư số 16/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định về mẫu thẻ căn cước, mẫu giấy chứng nhận căn cước.

- Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước.

- Thông tư số 18/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định về quy trình cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước, giấy chứng nhận căn cước.

- Thông tư số 73/2024/TT-BTC ngày 21/10/2024 của Bộ Tài chínhuy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp lệ phí cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước.

- Hướng dẫn số 08/HD-BCA-C06 ngày 17/02/2025 của Bộ Công an.

7. Thủ tục: Cấp thẻ căn cước cho người dưới 14 tuổi

7.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1:

+ Trường hợp người đại diện hợp pháp thực hiện thủ tục cấp thẻ căn cước cho người dưới 06 tuổi thông qua cổng dịch vụ công hoặc ứng dụng định danh quốc gia thì lựa chọn thủ tục, kiểm tra thông tin của người dưới 06 tuổi trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Trường hợp thông tin chính xác thì người đại diện hợp pháp xác nhận chuyển hồ sơ đề nghị đến Công an cấp xã trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú xem xét, giải quyết việc cấp thẻ căn cước.

+ Trường hợp thực hiện trực tiếp tại Công an cấp xã, người đại diện hợp pháp đưa người dưới 14 tuổi đến địa điểm làm thủ tục cấp thẻ căn cước.

- Bước 2: Cán bộ thu nhận thông tin công dân tìm kiếm thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để lập hồ sơ cấp thẻ căn cước.

+ Trường hợp thông tin công dân chưa có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư Cán bộ thu nhận đề nghị công dân xuất trình một trong các loại giấy tờ pháp lý chứng minh nội dung thông tin nhân thân và hướng dẫn thu thập, cập

nhật thông tin vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư trước khi thực hiện thủ tục cấp thẻ căn cước.

+ Trường hợp thông tin công dân có sự thay đổi, điều chỉnh thì Cán bộ thu nhận hướng dẫn công dân thực hiện thủ tục điều chỉnh thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư trước khi thực hiện thủ tục cấp thẻ căn cước.

+ Trường hợp thông tin công dân không có sự thay đổi, điều chỉnh thì sử dụng thông tin của công dân trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để lập hồ sơ cấp thẻ căn cước.

+ Trường hợp công dân không đủ điều kiện cấp thẻ căn cước thì từ chối tiếp nhận và nêu rõ lý do, thông báo về việc từ chối giải quyết thủ tục về căn cước (mẫu CC03 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024).

- Bước 3: Tiến hành thu nhận vân tay, chụp ảnh khuôn mặt và thu nhận ảnh mống mắt của người từ đủ 06 tuổi đến dưới 14 tuổi.

- Bước 4: In Phiếu thu nhận thông tin căn cước; Phiếu thu thập thông tin dân cư (nếu có) cho người đại diện hợp pháp của người dưới 14 tuổi kiểm tra, ký xác nhận.

- Bước 5: thu lệ phí (nếu có) và cấp giấy hẹn trả kết quả giải quyết thủ tục về căn cước (mẫu CC02 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an).

Bước 6: Nhận kết quả trực tiếp tại Công an cấp xã hoặc trả qua dịch vụ bưu chính đến địa chỉ theo yêu cầu.

7.2. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại địa điểm tiếp dân của Công an cấp xã hoặc Bộ phận Một cửa cấp xã trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú.

- Thông qua Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công Bộ Công an, Ứng dụng định danh quốc gia để đăng ký thời gian, địa điểm làm thủ tục đề nghị cấp thẻ căn cước tại Công an cấp xã hoặc Bộ phận một cửa cấp xã trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú.

- Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 và sáng thứ 7 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật).

7.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a. Thành phần hồ sơ:

- Phiếu thu nhận thông tin căn cước (mẫu CC01 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an). Phiếu được tạo lập khi trích xuất thông tin của công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và in trong quá trình thu nhận hồ sơ căn cước để công dân kiểm tra và ký xác nhận.

- Phiếu đề nghị giải quyết thủ tục về căn cước (Mẫu DC02 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA của Bộ Công an). Phiếu này là biểu mẫu điện tử, công dân kê khai đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến.

- Giấy tờ, tài liệu có giá trị pháp lý chứng minh là người đại diện hợp pháp của người dưới 14 tuổi.

- Trường hợp công dân chưa có thông tin trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thì hồ sơ còn có: Phiếu thu thập thông tin dân cư (mẫu DC01 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an). Giấy tờ, tài liệu chứng minh thông tin công dân.

b. Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

7.4. Thời hạn giải quyết: Không quá 07 ngày làm việc.

7.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Công dân Việt Nam dưới 14 tuổi.

7.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Công an cấp xã hoặc Bộ phận Một cửa cấp xã trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú.

7.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Thẻ căn cước *(mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 16/2024/TT-BCA ngày 15/05/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an)*;

7.8. Lệ phí: Miễn phí.

7.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Phiếu thu nhận thông tin căn cước (mẫu CC01 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an).

7.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

7.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Căn cước số 26/2023/QH15 ngày 27/11/2023.

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị.

- Nghị định số 70/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước.

- Thông tư số 16/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định về mẫu thẻ căn cước, mẫu giấy chứng nhận căn cước.

- Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước.

- Thông tư số 18/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định về quy trình cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước, giấy chứng nhận căn cước.

- Thông tư số 18/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định về quy trình cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước, giấy chứng nhận căn cước.

- Hướng dẫn số 08/HD-BCA-C06 ngày 17/02/2025 của Bộ Công an.

8. Thủ tục: Cấp đổi thẻ căn cước

8.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1:

+ Công dân đến Công an cấp xã hoặc bộ phận một của cấp xã trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú đề nghị cấp đổi thẻ căn cước.

+ Công dân thông qua Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công Bộ Công an, ứng dụng định danh quốc gia lựa chọn thủ tục, kiểm tra thông tin của mình được khai thác trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Trường hợp thông tin chính xác thì đăng ký thời gian, địa điểm thực hiện thủ tục tại Công an cấp xã trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú. Hệ thống sẽ xác nhận và tự động chuyển đề nghị của công dân đến cơ quan quản lý căn cước nơi công dân đề nghị cấp đổi thẻ căn cước.

+ Trường hợp người đề nghị cấp đổi thẻ căn cước là người đại diện hợp pháp của người dưới 14 tuổi thì hồ sơ đề nghị cấp đổi thẻ căn cước phải có giấy tờ, tài liệu có giá trị pháp lý chứng minh là người đại diện hợp pháp của người dưới 14 tuổi.

+ Trường hợp người đại diện hợp pháp thực hiện thủ tục cấp đổi thẻ căn cước cho người dưới 06 tuổi, cấp đổi thẻ căn cước khi thông tin trên thẻ căn cước thay đổi do sắp xếp đơn vị hành chính qua Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công Bộ Công an, ứng dụng định danh quốc gia thì lựa chọn thủ tục, kiểm tra thông tin của người dưới 06 tuổi, người yêu cầu cấp đổi thẻ căn cước khi thông tin trên thẻ căn cước thay đổi do sắp xếp đơn vị hành chính trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Trường hợp thông tin chính xác thì người đại diện hợp pháp xác nhận chuyển hồ sơ đề nghị đến cơ quan quản lý căn cước xem xét, giải quyết việc cấp đổi thẻ căn cước.

- Bước 2: Công dân cung cấp thông tin gồm họ, chữ đệm và tên khai sinh, số định danh cá nhân, nơi cư trú để người tiếp nhận kiểm tra đối chiếu thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư;

- Bước 3: Cán bộ thu nhận tìm kiếm thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để lập hồ sơ cấp đổi thẻ căn cước.

+ Trường hợp thông tin công dân không có sự thay đổi, điều chỉnh thì sử dụng thông tin của công dân trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để lập hồ sơ cấp đổi thẻ căn cước.

+ Trường hợp thông tin công dân có sự thay đổi, điều chỉnh thì Cán bộ thu nhận hướng dẫn công dân thực hiện thủ tục điều chỉnh thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư trước khi thực hiện thủ tục cấp đổi thẻ căn cước.

+ Trường hợp thông tin công dân có sự thay đổi, điều chỉnh do sắp xếp đơn vị hành chính thì Cán bộ thu nhận thì cán bộ thu nhận sử dụng thông tin về ảnh khuôn mặt, vân tay, mống mắt đã được thu nhận lần gần nhất và các thông tin hiện có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước để cấp đổi thẻ căn cước.

+ Trường hợp công dân không đủ điều kiện đổi thẻ căn cước thì từ chối tiếp nhận và nêu rõ lý do, thông báo về việc từ chối giải quyết thủ tục về căn cước (mẫu CC03 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024).

- Bước 4: Tiến hành thu nhận vân tay, chụp ảnh khuôn mặt, thu nhận ảnh mống mắt của công dân từ đủ 06 tuổi trở lên trừ trường hợp người yêu cầu cấp đổi thẻ căn cước khi thông tin trên thẻ căn cước thay đổi do sắp xếp đơn vị hành chính.

- Bước 5: In Phiếu thu nhận thông tin căn cước cho công dân hoặc người đại diện của người dưới 14 tuổi kiểm tra, ký xác nhận.

- Bước 6: Thu thẻ căn cước cũ, thu lệ phí (nếu có) và cấp giấy hẹn trả kết quả giải quyết thủ tục về căn cước cho công dân (mẫu CC02 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an).

- Bước 7: Nhận kết quả trực tiếp tại Công an cấp xã hoặc trả qua dịch vụ bưu chính đến địa chỉ theo yêu cầu.

8.2. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại trụ sở Công an cấp xã hoặc Bộ phận Một cửa cấp xã trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú.

- Thông qua Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công Bộ Công an, Ứng dụng định danh quốc gia để đăng ký thời gian, địa điểm làm thủ tục đề nghị cấp đổi thẻ căn cước.

- Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 và sáng thứ 7 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật).

8.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a. Thành phần hồ sơ:

- Phiếu thu nhận thông tin căn cước (mẫu CC01 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an). Phiếu được tạo lập khi trích xuất thông tin của công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và in trong quá trình thu nhận hồ sơ căn cước để công dân kiểm tra và ký xác nhận.

- Phiếu đề nghị giải quyết thủ tục về căn cước (Mẫu DC02 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA của Bộ Công an). Phiếu này là biểu mẫu điện tử, công dân kê khai đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến.

- Trường hợp người đề nghị cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước là người đại diện hợp pháp của người dưới 14 tuổi thì hồ sơ đề nghị cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước phải có giấy tờ, tài liệu có giá trị pháp lý chứng minh là người đại diện hợp pháp của người dưới 14 tuổi.

b. Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

8.4. Thời hạn giải quyết: Không quá 07 ngày làm việc.

8.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Công dân Việt Nam đã được cấp thẻ căn cước thực hiện cấp đổi thẻ căn cước trong các trường hợp sau đây:

- Khi công dân đủ 14 tuổi, 25 tuổi, 40 tuổi và 60 tuổi;

- Thay đổi, cải chính thông tin về họ, chữ đệm, tên khai sinh; ngày, tháng, năm sinh;

- Thay đổi nhân dạng; bổ sung thông tin về ảnh khuôn mặt, vân tay; xác định lại giới tính hoặc chuyển đổi giới tính theo quy định của pháp luật;

- Có sai sót về thông tin in trên thẻ căn cước;

- Theo yêu cầu của người được cấp thẻ căn cước khi thông tin trên thẻ căn cước thay đổi do sắp xếp đơn vị hành chính;

- Xác lập lại số định danh cá nhân;

- Khi người được cấp thẻ căn cước có yêu cầu.

8.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Công an cấp xã hoặc Bộ phận Một cửa cấp xã trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú.

8.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Thẻ căn cước (mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 16/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an).

8.8. Lệ phí: Cấp đổi thẻ căn cước đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 24 Luật Căn cước: 50.000 đồng/thẻ căn cước;

Kể từ ngày 21/10/2024 đến hết ngày 31/12/2024, mức thu lệ phí cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước bằng 50% mức thu lệ phí quy định.

Kể từ ngày 01/01/2025 đến hết ngày 31/12/2025, mức thu lệ phí khi công dân nộp hồ sơ cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước theo hình thức trực tuyến bằng 50% mức thu lệ phí quy định.

8.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Phiếu thu nhận thông tin căn cước (mẫu CC01 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an).

8.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

8.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Căn cước số 26/2023/QH15 ngày 27/11/2023.

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị.

- Nghị định số 70/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước.

- Thông tư số 16/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định về mẫu thẻ căn cước, mẫu giấy chứng nhận căn cước.

- Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước.

- Thông tư số 18/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định về quy trình cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước, giấy chứng nhận căn cước.

- Thông tư số 18/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định về quy trình cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước, giấy chứng nhận căn cước.

- Thông tư số 73/2024/TT-BTC ngày 21/10/2024 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp lệ phí cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước.

- Hướng dẫn số 08/HD-BCA-C06 ngày 17/02/2025 của Bộ Công an.

9. Thủ tục: Cấp lại thẻ căn cước

9.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1:

+ Công dân đến Công an cấp xã trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú đề nghị cấp lại thẻ căn cước hoặc thông qua Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công Bộ Công an, ứng dụng định danh quốc gia lựa chọn thủ tục cấp lại thẻ căn cước, kiểm tra thông tin của mình được khai thác trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Trường hợp thông tin chính xác thì xác nhận chuyển hồ sơ đề nghị cấp lại thẻ căn cước đến Công an cấp xã trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú nơi công dân đã lựa chọn .

+ Trường hợp người đề nghị cấp lại thẻ căn cước là người đại diện hợp pháp của người dưới 14 tuổi thì hồ sơ đề nghị cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước phải có giấy tờ, tài liệu có giá trị pháp lý chứng minh là người đại diện hợp pháp của người dưới 14 tuổi;

- Bước 2: Cán bộ thu nhận thông tin công dân tìm kiếm thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để lập hồ sơ cấp lại thẻ căn cước.

- Bước 3:

+ Trường hợp cấp lại thẻ căn cước do bị mất thẻ căn cước hoặc thẻ căn cước bị hư hỏng không sử dụng được thì cán bộ thu nhận sử dụng thông tin về ảnh khuôn mặt, vân tay, mống mắt đã được thu nhận lần gần nhất và các thông tin hiện có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước để cấp lại thẻ căn cước.

+ Trường hợp cấp lại thẻ căn cước quy định tại điểm b khoản 2 Điều 24 Luật Căn cước (Được trở lại quốc tịch Việt Nam theo quy định của pháp luật về quốc tịch Việt Nam), các bước thực hiện như đối với thủ tục cấp mới thẻ căn cước.

+ Trường hợp công dân không đủ điều kiện cấp lại thẻ căn cước thì từ chối tiếp nhận và nêu rõ lý do, thông báo về việc từ chối giải quyết thủ tục về căn cước (mẫu CC03 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an).

- Bước 4: Tiến hành thu nhận vân tay, chụp ảnh khuôn mặt và thu nhận ảnh mống mắt của công dân (áp dụng với trường hợp cấp lại thẻ căn cước quy định tại điểm b khoản 2 Điều 24 Luật Căn cước).

- Bước 5: In Phiếu thu nhận thông tin căn cước chuyển cho công dân hoặc người đại diện của người dưới 14 tuổi kiểm tra, ký xác nhận đối với trường hợp công dân trực tiếp đến thực hiện thủ tục cấp lại tại Công an cấp xã.

- Bước 6: Thu thẻ căn cước cũ (nếu có), thu lệ phí (nếu có) và cấp giấy hẹn trả kết quả giải quyết thủ tục về căn cước cho công dân (mẫu CC02 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an) (bản giấy hoặc bản điện tử).

- Bước 6: Nhận kết quả trực tiếp tại cơ quan Công an nơi tiếp nhận hồ sơ hoặc trả qua dịch vụ bưu chính đến địa chỉ theo yêu cầu.

9.2. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại trụ sở Công an cấp xã hoặc bộ phận một cửa cấp xã trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú.

- Thực hiện trực tuyến thông qua Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công Bộ Công an, Ứng dụng định danh quốc gia.

- Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 và sáng thứ 7 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật).

9.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a. Thành phần hồ sơ:

- Phiếu thu nhận thông tin căn cước (mẫu CC01 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an). Phiếu được tạo lập khi trích xuất thông tin của công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và in trong quá trình thu nhận hồ sơ căn cước để công dân kiểm tra và ký xác nhận.

- Phiếu đề nghị giải quyết thủ tục về căn cước (Mẫu DC02 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA của Bộ Công an). Phiếu này là biểu mẫu điện tử, công dân kê khai đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến.

- Trường hợp người đề nghị cấp lại thẻ căn cước là người đại diện hợp pháp của người dưới 14 tuổi thì hồ sơ đề nghị cấp lại thẻ căn cước phải có giấy tờ, tài liệu có giá trị pháp lý chứng minh là người đại diện hợp pháp của người dưới 14 tuổi.

b. Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

9.4. Thời hạn giải quyết: Không quá 07 ngày làm việc.

9.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Công dân Việt Nam đã được cấp thẻ căn cước thực hiện cấp lại thẻ căn cước trong các trường hợp sau đây:

- Bị mất thẻ căn cước hoặc thẻ căn cước bị hư hỏng không sử dụng được, trừ trường hợp quy định tại Điều 21 của Luật Căn cước.

- Được trở lại quốc tịch Việt Nam theo quy định của pháp luật về quốc tịch Việt Nam.

9.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Công an cấp xã hoặc Bộ phận một cửa cấp xã trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú .

9.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Thẻ căn cước (mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 16/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an).

9.8. Lệ phí: Cấp lại thẻ căn cước đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 24 Luật Căn cước: 70.000 đồng/thẻ căn cước.

Kể từ ngày 21/10/2024 đến hết ngày 31/12/2024, mức thu lệ phí cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước bằng 50% mức thu lệ phí quy định.

Kể từ ngày 01/01/2025 đến hết ngày 31/12/2025, mức thu lệ phí khi công dân nộp hồ sơ cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước theo hình thức trực tuyến bằng 50% mức thu lệ phí quy định.

9.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Phiếu đề nghị giải quyết thủ tục về căn cước (mẫu DC02 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an).

9.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

9.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Căn cước số 26/2023/QH15 ngày 27/11/2023.

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị.

- Nghị định số 70/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước.

- Thông tư số 16/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định về mẫu thẻ căn cước, mẫu giấy chứng nhận căn cước.

- Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước.

- Thông tư số 18/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định về quy trình cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước, giấy chứng nhận căn cước.

- Thông tư số 18/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định về quy trình cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước, giấy chứng nhận căn cước.

- Thông tư số 73/2024/TT-BTC ngày 21/10/2024 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp lệ phí cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước.

- Hướng dẫn số 08/HD-BCA-C06 ngày 17/02/2025 của Bộ Công an.

10. Thủ tục: Thu thập, cập nhật thông tin của người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước và cấp giấy chứng nhận căn cước

10.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch đến Công an cấp xã trong phạm vi cấp tỉnh không phụ thuộc nơi cư trú để thực hiện thủ tục.

Người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch tiến hành kê khai thông tin theo mẫu Phiếu thu thập thông tin dân cư và cung cấp các giấy tờ, tài liệu khác liên quan đến bản thân và gia đình (nếu có).

- Bước 2: Cán bộ thu nhận tiếp nhận thông tin kê khai của người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch và thu nhận vân tay, chụp ảnh khuôn mặt, thu nhận ảnh mống mắt của người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch (không thu nhận vân tay, ảnh khuôn mặt, mống mắt của người dưới 06 tuổi).

- Bước 3: In Phiếu thu nhận thông tin căn cước; Phiếu thu thập thông tin dân cư chuyển cho người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch kiểm tra, ký xác nhận.

- Bước 4: Công an cấp xã phối hợp với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan kiểm tra, xác minh thông tin về người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch đã kê khai.

- Bước 5: Công an cấp xã chuyển thông tin của người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch tới cơ quan quản lý căn cước của Bộ Công an để kiểm tra, đối sánh thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước để thực hiện xác lập số định danh cá nhân và cấp giấy chứng nhận căn cước.

+ Trường hợp người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch không đủ điều kiện thu thập, cập nhật thông tin dân cư, cấp giấy chứng nhận căn cước thì từ thông báo cho người đó và nêu rõ lý do, thông báo về việc từ chối giải quyết thủ tục về căn cước (Mẫu CC03 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an).

- Bước 6: Nhận kết quả trực tiếp tại Công an cấp xã hoặc trả qua dịch vụ bưu chính đến địa chỉ theo yêu cầu.

10.2. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại trụ sở Công an cấp xã trong phạm vi cấp tỉnh không phụ thuộc nơi cư trú.

- Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 và thứ sáng 7 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật).

10.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a. Thành phần hồ sơ:

- Phiếu thu nhận thông tin căn cước (Mẫu CC01 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an); Phiếu được tạo lập khi trích xuất thông tin của người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch

trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và in trong quá trình thu nhận hồ sơ căn cước để người đó kiểm tra và ký xác nhận.

- Phiếu thu thập thông tin dân cư (Mẫu DC01 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an);

b. Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

10.4. Thời hạn giải quyết: Không quá 15 ngày (không tính thời gian kiểm tra, xác minh thông tin về người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch đã kê khai để thu thập thông tin dân cư).

10.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch chưa có thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

10.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Công an cấp xã trong phạm vi cấp tỉnh không phụ thuộc nơi cư trú.

10.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Thông tin của người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch được thu thập, cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

Giấy chứng nhận căn cước (mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 16/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an);

10.8. Lệ phí: Không thu lệ phí

10.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Phiếu thu nhận thông tin căn cước (Mẫu CC01 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an);

10.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch có thời gian sinh sống tại địa bàn từ 06 tháng trở lên.

10.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Căn cước số 26/2023/QH15 ngày 27/11/2023.

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị.

- Nghị định số 70/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước.

- Thông tư số 16/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định về mẫu thẻ căn cước, mẫu giấy chứng nhận căn cước.

- Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước.

- Thông tư số 18/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định về quy trình cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước, giấy chứng nhận căn cước.

- Hướng dẫn số 08/HD-BCA-C06 ngày 17/02/2025 của Bộ Công an.

11. Thủ tục: Điều chỉnh thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước theo đề nghị của người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch

11.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch đến Công an cấp xã trong phạm vi cấp tỉnh không phụ thuộc nơi cư trú đề nghị điều chỉnh thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước.

- Bước 2: Cán bộ tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra, xác minh tính pháp lý, tính chính xác của các thông tin trước khi điều chỉnh trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước.

Trường hợp từ chối điều chỉnh thông tin thì phải trả lời, nêu rõ lý do và cấp thông báo về việc từ chối giải quyết thủ tục về căn cước (Mẫu CC03 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an).

- Bước 3: Trường hợp đủ điều kiện giải quyết thì cấp giấy hẹn trả kết quả giải quyết thủ tục về căn cước (Mẫu CC02 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an).

11.2. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại Công an cấp xã trong phạm vi cấp tỉnh không phụ thuộc nơi cư trú.

- Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 và sáng thứ 7 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật).

11.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a. Thành phần hồ sơ:

Phiếu đề nghị giải quyết thủ tục về căn cước (Mẫu DC02 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an);

b. Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

11.4. Thời hạn giải quyết: không quá 05 ngày làm việc.

11.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch có nhu cầu điều chỉnh thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước.

11.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Công an cấp xã trong phạm vi cấp tỉnh không phụ thuộc nơi cư trú.

11.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Thông báo kết quả điều chỉnh thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước.

11.8. Lệ phí: Không thu lệ phí

11.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Phiếu đề nghị giải quyết thủ tục về căn cước (Mẫu DC02 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an);

11.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: không

11.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Căn cước số 26/2023/QH15 ngày 27/11/2023.

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị.

- Nghị định số 70/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước.

- Thông tư số 16/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định về mẫu thẻ căn cước, mẫu giấy chứng nhận căn cước.

- Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước.

- Thông tư số 18/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định về quy trình cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước, giấy chứng nhận căn cước.

- Hướng dẫn số 08/HD-BCA-C06 ngày 17/02/2025 của Bộ Công an.

12. Thủ tục: Cấp đổi giấy chứng nhận căn cước

12.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch đến Công an cấp xã trong cả nước không phụ thuộc nơi cư trú đề nghị cấp đổi giấy chứng nhận căn cước cung cấp thông tin gồm họ, chữ đệm và tên khai sinh, số định danh cá nhân, nơi ở hiện tại để người tiếp nhận kiểm tra đối chiếu thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

- Bước 2: Cán bộ thu nhận tìm kiếm thông tin Người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để lập hồ sơ cấp đổi giấy chứng nhận căn cước.

+ Trường hợp thông tin người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch không có sự thay đổi, điều chỉnh thì sử dụng thông tin người đó trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để lập hồ sơ cấp đổi giấy chứng nhận căn cước.

+ Trường hợp thông tin người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch có sự thay đổi, điều chỉnh thì đề nghị người đó thực hiện thủ tục điều chỉnh thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư trước khi thực hiện cấp đổi giấy chứng nhận căn cước.

+ Trường hợp người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch không đủ điều kiện cấp đổi giấy chứng nhân căn cước thì từ chối tiếp nhận và nêu rõ lý do, thông báo về việc từ chối giải quyết thủ tục về căn cước (Mẫu CC03 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an).

- Bước 3: Tiến hành thu nhận vân tay, chụp ảnh khuôn mặt, thu nhận ảnh mống mắt của người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch (không thu nhận vân tay, ảnh khuôn mặt, mống mắt của người dưới 06 tuổi).

- Bước 4: In Phiếu thu nhận thông tin căn cước; Phiếu đề nghị giải quyết thủ tục về căn cước (nếu có) chuyển cho người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch kiểm tra, ký xác nhận;

- Bước 5: Thu giấy chứng nhận căn cước cũ, cấp giấy hẹn trả kết quả giải quyết thủ tục về căn cước cho người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch (Mẫu CC02 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an).

- Bước 6: Nhận kết quả trực tiếp tại Công an cấp xã hoặc trả qua dịch vụ bưu chính đến địa chỉ theo yêu cầu.

12.2. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại trụ sở Công an cấp xã trong cả nước không phụ thuộc nơi cư trú.

- Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 và sáng thứ 7 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật).

12.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a. Thành phần hồ sơ:

- Phiếu thu nhận thông tin căn cước (Mẫu CC01 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an); Phiếu được tạo lập khi trích xuất thông tin của người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và in trong quá trình thu nhận hồ sơ căn cước để người đó kiểm tra và ký xác nhận.

- Trường hợp thông tin người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch có sự thay đổi, điều chỉnh so với thông tin trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thì hồ sơ còn có: Phiếu đề nghị giải quyết thủ tục về căn cước (Mẫu DC02 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an); Giấy tờ pháp lý chứng minh nội dung thay đổi thông tin.

b. Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

12.4. Thời hạn giải quyết: Không quá 07 ngày làm việc.

12.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch đã được cấp giấy chứng nhận căn cước thực hiện cấp đổi giấy chứng nhận căn cước trong các trường hợp sau đây:

- Bị hư hỏng không sử dụng được;

- Thay đổi thông tin về căn cước;

- Có sai sót về thông tin trên giấy chứng nhận căn cước;

- Khi người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch có yêu cầu;

- Giấy chứng nhận căn cước hết hạn sử dụng.

12.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Công an cấp xã trong cả nước không phụ thuộc nơi cư trú.

12.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy chứng nhận căn cước (mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 16/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an);

12.8. Lệ phí: không thu lệ phí

12.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Phiếu thu nhận thông tin căn cước (Mẫu CC01 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an).

12.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

12.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Căn cước số 26/2023/QH15 ngày 27/11/2023.

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị.

- Nghị định số 70/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước.

- Thông tư số 16/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định về mẫu thẻ căn cước, mẫu giấy chứng nhận căn cước.

- Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước.

- Thông tư số 18/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định về quy trình cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước, giấy chứng nhận căn cước.

- Hướng dẫn số 08/HD-BCA-C06 ngày 17/02/2025 của Bộ Công an.

13. Thủ tục: Cấp lại giấy chứng nhận căn cước

13.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch đến Công an cấp xã trong cả nước không phụ thuộc nơi cư trú nơi đang sinh sống đề nghị cấp lại giấy chứng nhận căn cước cung cấp thông tin gồm họ, chữ đệm và tên khai sinh, số định danh cá nhân, nơi ở hiện tại để người tiếp nhận kiểm tra đối chiếu thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

- Bước 2: Cán bộ thu nhận tìm kiếm thông tin người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để lập hồ sơ cấp lại giấy chứng nhận căn cước.

+ Trường hợp thông tin người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch không có sự thay đổi, điều chỉnh thì sử dụng thông tin người đó trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để lập hồ sơ cấp lại giấy chứng nhận căn cước.

+ Trường hợp thông tin người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch có sự thay đổi, điều chỉnh thì đề nghị người đó thực hiện thủ tục điều chỉnh thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư trước khi thực hiện cấp lại giấy chứng nhận căn cước.

+ Trường hợp người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch không đủ điều kiện cấp lại giấy chứng nhận căn cước thì từ chối tiếp nhận và nêu rõ lý do, thông báo về việc từ chối giải quyết thủ tục về căn cước (Mẫu CC03 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an).

- Bước 3: Tiến hành thu nhận vân tay, chụp ảnh khuôn mặt, thu nhận ảnh mống mắt của người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch (không thu nhận vân tay, ảnh khuôn mặt, mống mắt của người dưới 06 tuổi).

- Bước 4: In Phiếu thu nhận thông tin căn cước; Phiếu đề nghị giải quyết thủ tục về căn cước (nếu có) chuyển cho người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch kiểm tra, ký xác nhận.

- Bước 5: Cấp giấy hẹn trả kết quả giải quyết thủ tục về căn cước cho người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch (Mẫu CC02 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an).

- Bước 6: Nhận kết quả trực tiếp tại cơ quan Công an nơi tiếp nhận hồ sơ hoặc trả qua dịch vụ bưu chính đến địa chỉ theo yêu cầu.

13.2. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại trụ sở Công an cấp xã trong cả nước không phụ thuộc nơi cư trú.

- Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 và sáng thứ 7 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật).

13.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a. Thành phần hồ sơ:

- Phiếu thu nhận thông tin căn cước (Mẫu CC01 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an); Phiếu được tạo lập khi trích xuất thông tin của người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và in trong quá trình thu nhận hồ sơ căn cước để người đó kiểm tra và ký xác nhận.

- Trường hợp thông tin người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch có sự thay đổi, điều chỉnh so với thông tin trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thì hồ sơ còn có: Phiếu đề nghị giải quyết thủ tục về căn cước (Mẫu DC02 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an); Giấy tờ pháp lý chứng minh nội dung thay đổi thông tin.

b. Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

13.4. Thời hạn giải quyết: Không quá 07 ngày làm việc.

13.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch đã được cấp giấy chứng nhận căn cước thực hiện cấp lại giấy chứng nhận căn cước trong trường hợp bị mất giấy chứng nhận căn cước.

13.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Công an cấp xã trong cả nước không phụ thuộc nơi cư trú.

13.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy chứng nhận căn cước (mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 16/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an);

13.8. Lệ phí: không thu lệ phí

13.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Phiếu thu nhận thông tin căn cước (Mẫu CC01 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an);

13.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

13.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Căn cước số 26/2023/QH15 ngày 27/11/2023.

- Nghị định số 70/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước.

- Thông tư số 16/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định về mẫu thẻ căn cước, mẫu giấy chứng nhận căn cước.

- Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước.

- Thông tư số 18/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định về quy trình cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước, giấy chứng nhận căn cước.

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TRUNG ƯƠNG

1. Thủ tục: Cấp đổi thẻ căn cước (Mã thủ tục: 1.000889)

1.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Công dân đến cơ quan quản lý căn cước của Bộ Công an đề nghị cấp đổi thẻ căn cước, cung cấp thông tin gồm họ, chữ đệm và tên khai sinh, số định danh cá nhân, nơi cư trú để người tiếp nhận kiểm tra đối chiếu thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư;

Trường hợp công dân có yêu cầu cấp đổi thẻ căn cước khi thông tin trên thẻ căn cước thay đổi do sắp xếp đơn vị hành chính qua thông qua Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công Bộ Công an, ứng dụng định danh quốc gia lựa chọn thủ tục cấp đổi thẻ căn cước, kiểm tra thông tin của mình được khai thác trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Trường hợp thông tin chính xác thì xác

nhận chuyển hồ sơ đề nghị cấp lại thẻ căn cước đến cơ quan quản lý căn cước của Công an cấp tỉnh.

- Bước 2: Cán bộ thu nhận thông tin công dân tìm kiếm thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để lập hồ sơ đổi thẻ căn cước.

+ Trường hợp thông tin công dân không có sự thay đổi, điều chỉnh thì sử dụng thông tin của công dân trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để lập hồ sơ cấp đổi thẻ căn cước.

+ Trường hợp thông tin công dân có sự thay đổi, điều chỉnh thì Cán bộ thu nhận hướng dẫn công dân thực hiện thủ tục điều chỉnh thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư trước khi thực hiện thủ tục cấp thẻ căn cước.

+ Trường hợp cấp đổi thẻ căn cước khi thông tin trên thẻ căn cước thay đổi do sắp xếp đơn vị hành chính thì cán bộ thu nhận sử dụng thông tin về ảnh khuôn mặt, vân tay, mống mắt đã được thu nhận lần gần nhất và các thông tin hiện có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước để cấp đổi thẻ căn cước.

Trường hợp công dân không đủ điều kiện cấp đổi thẻ căn cước thì từ chối tiếp nhận và nêu rõ lý do, thông báo về việc từ chối giải quyết thủ tục về căn cước (mẫu CC03 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an).

- Bước 3: Tiến hành thu nhận vân tay, chụp ảnh khuôn mặt, thu nhận ảnh mống mắt của công dân từ đủ 06 tuổi trở lên trừ trường hợp cấp đổi thẻ căn cước khi thông tin trên thẻ căn cước thay đổi do sắp xếp đơn vị hành chính.

- Bước 4: In Phiếu thu nhận thông tin căn cước chuyển cho công dân hoặc người đại diện của người dưới 14 tuổi kiểm tra, ký xác nhận;

- Bước 5: Thu thẻ căn cước cũ, thu lệ phí (nếu có) và cấp giấy hẹn trả kết quả giải quyết thủ tục về căn cước cho công dân (mẫu CC02 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an).

- Bước 6: Nhận kết quả trực tiếp tại cơ quan quản lý căn cước của Bộ Công an hoặc trả qua dịch vụ bưu chính đến địa chỉ theo yêu cầu.

1.2. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại cơ quan quản lý căn cước của Bộ Công an (Trung tâm dữ liệu quốc gia về dân cư, Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ Công an).

- Cấp lưu động tại tại xã, phường, thị trấn, cơ quan, đơn vị hoặc tại chỗ ở của công dân trong trường hợp cần thiết.

- Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật).

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a. Thành phần hồ sơ:

- Phiếu thu nhận thông tin căn cước (mẫu CC01 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an). Phiếu được tạo lập khi trích xuất thông tin của công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và in trong quá trình thu nhận hồ sơ căn cước để công dân kiểm tra và ký xác nhận.

- Giấy tờ, tài liệu có giá trị pháp lý chứng minh là người đại diện hợp pháp của người dưới 14 tuổi.

b. Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

1.4. Thời hạn giải quyết: Không quá 07 ngày làm việc.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Công dân Việt Nam dã được cấp thẻ căn cước thực hiện đổi thẻ căn cước trong các trường hợp sau đây:

- Khi công dân đủ 14 tuổi, 25 tuổi, 40 tuổi và 60 tuổi.

- Thay đổi, cải chính thông tin về họ, chữ đệm, tên khai sinh; ngày, tháng, năm sinh.

- Thay đổi nhân dạng; bổ sung thông tin về ảnh khuôn mặt, vân tay; xác định lại giới tính hoặc chuyển đổi giới tính theo quy định của pháp luật.

- Có sai sót về thông tin in trên thẻ căn cước.

- Theo yêu cầu của người được cấp thẻ căn cước khi thông tin trên thẻ căn cước thay đổi do sắp xếp đơn vị hành chính.

- Xác lập lại số định danh cá nhân.

- Khi người được cấp thẻ căn cước có yêu cầu.

1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: cơ quan quản lý căn cước của Bộ Công an (Trung tâm dữ liệu quốc gia về dân cư, Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ Công an)

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Thẻ căn cước (mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 16/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an).

1.8. Lệ phí: Cấp đổi thẻ căn cước đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 24 Luật Căn cước: 50.000 đồng/thẻ căn cước;

Kể từ ngày 21/10/2024 đến hết ngày 31/12/2024, mức thu lệ phí cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước bằng 50% mức thu lệ phí quy định.

Kể từ ngày 01/01/2025 đến hết ngày 31/12/2025, mức thu lệ phí khi công dân nộp hồ sơ cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước theo hình thức trực tuyến bằng 50% mức thu lệ phí quy định.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Phiếu thu nhận thông tin căn cước (mẫu CC01 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an).

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Căn cước số 26/2023/QH15 ngày 27/11/2023.

- Nghị định số 70/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước.

- Thông tư số 16/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định về mẫu thẻ căn cước, mẫu giấy chứng nhận căn cước.

- Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước.

- Thông tư số 18/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định về quy trình cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước, giấy chứng nhận căn cước.

- Thông tư số 73/2024/TT-BTC ngày 21/10/2024 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp lệ phí cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước.

2. Thủ tục: Cấp lại thẻ căn cước (Mã thủ tục: 1.000757)

2.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1:

+ Công dân đến cơ quan quản lý căn cước của Bộ Công an đề nghị cấp lại thẻ căn cước hoặc thông qua Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công Bộ Công an, ứng dụng định danh quốc gia lựa chọn thủ tục cấp lại thẻ căn cước, kiểm tra thông tin của mình được khai thác trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Trường hợp thông tin chính xác thì xác nhận chuyển hồ sơ đề nghị cấp lại thẻ căn cước đến cơ quan quản lý căn cước của Bộ Công an.

+ Trường hợp người đề nghị cấp lại thẻ căn cước là người đại diện hợp pháp của người dưới 14 tuổi thì hồ sơ đề nghị cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước phải có giấy tờ, tài liệu có giá trị pháp lý chứng minh là người đại diện hợp pháp của người dưới 14 tuổi.

- Bước 2: Cán bộ thu nhận thông tin công dân tìm kiếm thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để lập hồ sơ cấp lại thẻ căn cước.

- Bước 3:

+ Trường hợp cấp lại thẻ căn cước do bị mất thẻ căn cước hoặc thẻ căn cước bị hư hỏng không sử dụng được thì cán bộ thu nhận sử dụng thông tin về ảnh khuôn mặt, vân tay, mống mắt đã được thu nhận lần gần nhất và các thông tin hiện có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước để cấp lại thẻ căn cước.

+ Trường hợp cấp lại thẻ căn cước quy định tại điểm b khoản 2 Điều 24 Luật Căn cước (Được trở lại quốc tịch Việt Nam theo quy định của pháp luật về quốc tịch Việt Nam), các bước thực hiện như đối với thủ tục cấp mới thẻ căn cước.

+ Trường hợp công dân không đủ điều kiện cấp lại thẻ căn cước thì từ chối tiếp nhận và nêu rõ lý do, thông báo về việc từ chối giải quyết thủ tục về

căn cước (mẫu CC03 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an).

- Bước 4: Tiến hành thu nhận vân tay, chụp ảnh khuôn mặt và thu nhận ảnh mống mắt của công dân (áp dụng với trường hợp cấp lại thẻ căn cước quy định tại điểm b khoản 2 Điều 24 Luật Căn cước).

- Bước 5: In Phiếu thu nhận thông tin căn cước chuyển cho công dân hoặc người đại diện của người dưới 14 tuổi kiểm tra, ký xác nhận đối với trường hợp công dân trực tiếp đến thực hiện thủ tục cấp lại tại Cơ quan quản lý căn cước của Bộ Công an.

- Bước 6: Thu thẻ căn cước cũ (đối với trường hợp thẻ căn cước hư hỏng không sử dụng được), thu lệ phí (nếu có) và cấp giấy hẹn trả kết quả giải quyết thủ tục về căn cước cho công dân (mẫu CC02 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an) bản giấy hoặc bản điện tử.

- Bước 7: Nhận kết quả trực tiếp tại cơ quan quản lý căn cước của Bộ Công an hoặc trả qua dịch vụ bưu chính đến địa chỉ theo yêu cầu.

2.2. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại cơ quan quản lý căn cước của Bộ Công an (Trung tâm dữ liệu quốc gia về dân cư, Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ Công an).

- Thông qua Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công Bộ Công an, Ứng dụng định danh quốc gia.

- Cấp lưu động tại tại xã, phường, thị trấn, cơ quan, đơn vị hoặc tại chỗ ở của công dân trong trường hợp cần thiết.

- Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật).

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a. Thành phần hồ sơ:

- Phiếu thu nhận thông tin căn cước (mẫu CC01 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an). Phiếu được tạo lập khi trích xuất thông tin của công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và in trong quá trình thu nhận hồ sơ căn cước để công dân kiểm tra và ký xác nhận.

- Phiếu đề nghị giải quyết thủ tục về căn cước (Mẫu DC02 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA của Bộ Công an). Phiếu này là biểu mẫu điện tử, công dân kê khai đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến.

- Trường hợp người đề nghị cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước là người đại diện hợp pháp của người dưới 14 tuổi thì hồ sơ đề nghị cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước phải có giấy tờ, tài liệu có giá trị pháp lý chứng minh là người đại diện hợp pháp của người dưới 14 tuổi.

b. Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

2.4. Thời hạn giải quyết: Không quá 07 ngày làm việc.

2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Công dân Việt Nam đã được cấp thẻ căn cước thực hiện cấp lại thẻ căn cước trong các trường hợp sau đây:

- Bị mất thẻ căn cước hoặc thẻ căn cước bị hư hỏng không sử dụng được, trừ trường hợp quy định tại Điều 21 của Luật Căn cước;

- Được trở lại quốc tịch Việt Nam theo quy định của pháp luật về quốc tịch Việt Nam.

2.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: cơ quan quản lý căn cước của Bộ Công an (Trung tâm dữ liệu quốc gia về dân cư, Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ Công an)

2.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Thẻ căn cước (mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 16/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an).

2.8. Lệ phí: Cấp lại thẻ căn cước đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 24 Luật Căn cước: 70.000 đồng/thẻ căn cước.

Kể từ ngày 21/10/2024 đến hết ngày 31/12/2024, mức thu lệ phí cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước bằng 50% mức thu lệ phí quy định.

Kể từ ngày 01/01/2025 đến hết ngày 31/12/2025, mức thu lệ phí khi công dân nộp hồ sơ cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước theo hình thức trực tuyến bằng 50% mức thu lệ phí quy định.

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Phiếu đề nghị giải quyết thủ tục về căn cước (mẫu DC02 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an).

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Căn cước số 26/2023/QH15 ngày 27/11/2023.

- Nghị định số 70/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước.

- Thông tư số 16/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định về mẫu thẻ căn cước, mẫu giấy chứng nhận căn cước.

- Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước.

- Thông tư số 18/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định về quy trình cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước, giấy chứng nhận căn cước.

- Thông tư số 73/2024/TT-BTC ngày 21/10/2024 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp lệ phí cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước.

II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

1. Thủ tục: Cấp thẻ căn cước cho người từ đủ 14 tuổi trở lên (Mã số TTHC: 2.000200)

1.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1:

+ Công dân đến địa điểm làm thủ tục cấp thẻ căn cước tại cơ quan quản lý căn cước của Công an cấp tỉnh (Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội, Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương) hoặc Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (nếu đã triển khai) trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú.đề nghị cấp thẻ căn cước.

+ Công dân thông qua Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công Bộ Công an, ứng dụng định danh quốc gia lựa chọn thủ tục cấp thẻ căn cước, kiểm tra thông tin của mình được khai thác trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Trường hợp thông tin chính xác thì đăng ký thời gian, địa điểm thực hiện thủ tục tại cơ quản quản lý căn cước của Công an cấp tỉnh. Hệ thống sẽ xác nhận và tự động chuyển đề nghị của công dân đến cơ quan quản lý căn cước nơi công dân đề nghị cấp thẻ căn cước.

- Bước 2: Công dân cung cấp thông tin gồm họ, chữ đệm và tên khai sinh, số định danh cá nhân, nơi cư trú để người tiếp nhận kiểm tra đối chiếu thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

- Bước 3: Cán bộ thu nhận thông tin công dân tìm kiếm thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để lập hồ sơ cấp thẻ căn cước.

+ Trường hợp thông tin công dân chưa có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư Cán bộ thu nhận đề nghị công dân xuất trình một trong các loại giấy tờ pháp lý chứng minh nội dung thông tin nhân thân và hướng dẫn thu thập, cập nhật thông tin vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư trước khi thực hiện thủ tục cấp thẻ căn cước.

+ Trường hợp thông tin công dân có sự thay đổi, điều chỉnh thì Cán bộ thu nhận hướng dẫn công dân thực hiện thủ tục điều chỉnh thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư trước khi thực hiện thủ tục cấp thẻ căn cước.

+ Trường hợp thông tin công dân đầy đủ, chính xác thì sử dụng thông tin của công dân trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để lập hồ sơ cấp thẻ căn cước.

+ Trường hợp công dân không đủ điều kiện cấp thẻ căn cước thì từ chối tiếp nhận và nêu rõ lý do, thông báo về việc từ chối giải quyết thủ tục về căn cước (Mẫu CC03 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA của Bộ Công an).

- Bước 4: Tiến hành thu nhận vân tay, chụp ảnh khuôn mặt và thu nhận ảnh mống mắt của công dân.

- Bước 5: In Phiếu thu nhận thông tin căn cước, Phiếu thu thập thông tin dân cư (nếu có) chuyển cho công dân kiểm tra, ký xác nhận.

- Bước 6: Thu thẻ Căn cước công dân (nếu có), thu lệ phí (nếu có) và cấp giấy hẹn Trả kết quả giải quyết thủ tục về căn cước (mẫu CC02 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an).

Bước 7: Nhận kết quả trực tiếp tại cơ quan quản lý căn cước Công an cấp tỉnh hoặc trả qua dịch vụ bưu chính đến địa chỉ theo yêu cầu.

1.2. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại địa điểm tiếp dân cơ quan quản lý căn cước của Công an cấp tỉnh (Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội, Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương) hoặc Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (nếu đã triển khai) trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú.đề nghị cấp thẻ căn cước.

- Thông qua Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công Bộ Công an, Ứng dụng định danh quốc gia để đăng ký thời gian, địa điểm làm thủ tục đề nghị cấp thẻ căn cước.

- Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 và sáng thứ 7 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật).

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a. Thành phần hồ sơ:

- Phiếu thu nhận thông tin căn cước (mẫu CC01 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an). Phiếu được tạo lập khi trích xuất thông tin của công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và in trong quá trình thu nhận hồ sơ căn cước để công dân kiểm tra và ký xác nhận.

- Trường hợp công dân chưa có thông tin trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thì hồ sơ còn có Phiếu thu thập thông tin dân cư (mẫu DC01 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an); Giấy tờ pháp lý chứa thông tin công dân.

- Phiếu đề nghị giải quyết thủ tục về căn cước (Mẫu DC02 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA của Bộ Công an). Phiếu này là biểu mẫu điện tử, công dân kê khai đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến.

b. Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

1.4. Thời hạn giải quyết: Không quá 07 ngày làm việc.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Công dân Việt Nam từ đủ 14 tuổi trở lên.

1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: cơ quan quản lý căn cước của Công an cấp tỉnh (Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội, Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương) trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú..

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Thẻ căn cước *(mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 16/2024/TT-BCA ngày 15/05/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an)*;

1.8. Lệ phí: Không.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Phiếu thu nhận thông tin căn cước (mẫu CC01 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an).

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Căn cước số 26/2023/QH15 ngày 27/11/2023.

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị.

- Nghị định số 70/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước.

- Thông tư số 16/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định về mẫu thẻ căn cước, mẫu giấy chứng nhận căn cước.

- Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước.

- Thông tư số 18/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định về quy trình cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước, giấy chứng nhận căn cước

2. Thủ tục: Cấp thẻ căn cước cho người dưới 14 tuổi (Mã TTHC: 1.012549)

2.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1:

+ Trường hợp người đại diện hợp pháp thực hiện thủ tục cấp thẻ căn cước cho người dưới 06 tuổi thông qua cổng dịch vụ công hoặc ứng dụng định danh quốc gia thì lựa chọn thủ tục, kiểm tra thông tin của người dưới 06 tuổi trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Trường hợp thông tin chính xác thì người đại diện hợp pháp xác nhận chuyển hồ sơ đề nghị đến cơ quan quản lý căn cước của Công an cấp tỉnh trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú xem xét, giải quyết việc cấp thẻ căn cước.

+ Trường hợp thực hiện trực tiếp tại cơ quan quản lý căn cước của Công an cấp tỉnh, người đại diện hợp pháp đưa người dưới 14 tuổi đến địa điểm làm thủ tục cấp thẻ căn cước.

- Bước 2: Cán bộ thu nhận thông tin công dân tìm kiếm thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để lập hồ sơ cấp thẻ căn cước.

+ Trường hợp thông tin công dân chưa có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư Cán bộ thu nhận đề nghị công dân xuất trình một trong các loại giấy tờ pháp lý chứng minh nội dung thông tin cá nhân và hướng dẫn thu thập, cập nhật thông tin vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư trước khi thực hiện thủ tục cấp thẻ căn cước.

+ Trường hợp thông tin công dân có sự thay đổi, điều chỉnh thì Cán bộ thu nhận hướng dẫn công dân thực hiện thủ tục điều chỉnh thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư trước khi thực hiện thủ tục cấp thẻ căn cước.

+ Trường hợp thông tin công dân đầy đủ, chính xác thì sử dụng thông tin của công dân trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để lập hồ sơ cấp thẻ căn cước.

+ Trường hợp công dân không đủ điều kiện cấp thẻ căn cước thì từ chối tiếp nhận và nêu rõ lý do, thông báo về việc từ chối giải quyết thủ tục về căn cước (mẫu CC03 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an).

- Bước 3: Tiến hành thu nhận vân tay, chụp ảnh khuôn mặt và thu nhận ảnh mống mắt của người từ đủ 06 tuổi đến dưới 14 tuổi.

- Bước 4: In Phiếu thu nhận thông tin căn cước để người đại diện hợp pháp kiểm tra, ký xác nhận; in Phiếu thu thập thông tin dân cư (nếu có) cho người đại diện hợp pháp của người dưới 14 tuổi kiểm tra, ký xác nhận.

- Bước 5: thu lệ phí (nếu có) và cấp giấy hẹn trả kết quả giải quyết thủ tục về căn cước (mẫu CC02 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an).

Bước 6: Nhận kết quả trực tiếp tại cơ quan quản lý căn cước của Công an cấp tỉnh hoặc trả qua dịch vụ bưu chính đến địa chỉ theo yêu cầu.

2.2. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại địa điểm tiếp dân cơ quan quản lý căn cước của Công an cấp tỉnh (Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội, Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương) trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú.

- Thông qua Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công Bộ Công an, Ứng dụng định danh quốc gia để đăng ký thời gian, địa điểm làm thủ tục đề nghị cấp thẻ căn cước.

- Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 và sáng thứ 7 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật).

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a. Thành phần hồ sơ:

- Phiếu thu nhận thông tin căn cước (mẫu CC01 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an). Phiếu được tạo lập khi trích xuất thông tin của công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và in trong quá trình thu nhận hồ sơ căn cước để công dân kiểm tra và ký xác nhận.

- Phiếu đề nghị giải quyết thủ tục về căn cước (Mẫu DC02 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA của Bộ Công an). Phiếu này là biểu mẫu điện tử, công dân kê khai đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến.

- Giấy tờ, tài liệu có giá trị pháp lý chứng minh là người đại diện hợp pháp của người dưới 14 tuổi.

- Trường hợp công dân chưa có thông tin trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thì hồ sơ còn có: Phiếu thu thập thông tin dân cư (mẫu DC01 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an). Giấy tờ, tài liệu pháp lý chứa thông tin công dân.

b. Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

2.4. Thời hạn giải quyết: Không quá 07 ngày làm việc.

2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Công dân Việt Nam dưới 14 tuổi.

2.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: cơ quan quản lý căn cước của Công an cấp tỉnh (Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội, Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương) trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú.

2.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Thẻ căn cước *(mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 16/2024/TT-BCA ngày 15/05/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an)*;

2.8. Lệ phí: không.

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Phiếu thu nhận thông tin Căn cước (mẫu CC01 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an).

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Căn cước số 26/2023/QH15 ngày 27/11/2023.

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị.

- Nghị định số 70/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước.

- Thông tư số 16/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định về mẫu thẻ căn cước, mẫu giấy chứng nhận căn cước.

- Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước.

- Thông tư số 18/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định về quy trình cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước, giấy chứng nhận căn cước.

3. Thủ tục: Thu thập, cập nhật thông tin sinh trắc học về ADN vào Cơ sở dữ liệu về căn cước (Mã thủ tục: 1.012546)

3.1. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Cá nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật.

Bước 2: Nộp hồ sơ đề nghị thu thập, cập nhật thông tin sinh trắc học về ADN tại cơ quan quản lý căn cước của Công an cấp tỉnh (Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội, Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương) trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú.

Bước 3: Cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ.

- Trường hợp thông tin sinh trắc học về ADN của công dân đã có trong hệ thống thông tin của cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 13 Nghị định số 70/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 thì trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đề nghị của công dân, cơ quan quản lý căn cước Công an cấp tỉnh có trách nhiệm phối hợp kiểm tra, đối sánh và xác thực đảm bảo tính chính xác của thông tin trước khi thu thập, cập nhật vào Cơ sở dữ liệu căn cước.

- Trường hợp thông tin sinh trắc học về ADN của công dân chưa có trong hệ thống thông tin của cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 13 Nghị định số 70/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 thì cơ quan quản lý căn cước Công an cấp tỉnh thông báo cho công dân bằng văn bản, nêu rõ lý do và hướng dẫn công dân thực hiện thu thập, cập nhật thông tin sinh trắc học về ADN vào hệ thống thông tin của cơ quan, tổ chức tại khoản 5 Điều 13 Nghị định số 70/2024/NĐ-CP.

- Trường hợp hồ sơ không đầy đủ thì hướng dẫn công dân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ; trường hợp hồ sơ không hợp lệ thì từ chối tiếp nhận và nêu rõ lý do bằng Thông báo về việc từ chối giải quyết thủ tục về căn cước (Mẫu CC03 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024).

3.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại cơ quan quản lý căn cước của Công an cấp tỉnh (Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội, Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương) trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú.

- Nộp hồ sơ trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công Bộ Công an, ứng dụng định danh quốc gia để đăng ký thời gian, địa điểm thực hiện thủ tục.

- Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 và sáng thứ 7 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật).

3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a. Thành phần hồ sơ:

- Phiếu đề nghị giải quyết thủ tục về căn cước (Mẫu DC02 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an).

- Giấy tờ, tài liệu có giá trị pháp lý xác thực kết quả xét nghiệm, phân tích, lưu trữ thông tin sinh trắc học về ADN của cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 13 Nghị định số 70/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước (nếu có).

- Xuất trình thẻ căn cước của công dân để cơ quan Công an kiểm tra, xác định đúng người đề nghị thực hiện thủ tục.

b. Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

3.4. Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc.

3.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: cá nhân có nhu cầu thu thập, cập nhật thông tin sinh trắc học về ADN vào Cơ sở dữ liệu về căn cước.

3.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: cơ quan quản lý căn cước của Công an cấp tỉnh (Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội, Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương) trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú.

3.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: thông báo kết quả thu thập, cập nhật thông tin sinh trắc học về ADN vào Cơ sở dữ liệu về căn cước.

3.8. Lệ phí: Chưa quy định.

3.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Phiếu đề nghị giải quyết thủ tục về căn cước (Mẫu DC02 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA của Bộ Công an).

3.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Thông tin sinh trắc học về ADN của công dân đã có trong hệ thống thông tin của cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 13 Nghị định số 70/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024.

3.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Căn cước số 26/2023/QH15 ngày 27/11/2023.

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị.

- Nghị định số 70/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước.

- Thông tư số 16/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định về mẫu thẻ căn cước, mẫu giấy chứng nhận căn cước.

- Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước.

- Thông tư số 18/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định về quy trình cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước, giấy chứng nhận căn cước.

4. Thủ tục: Thu thập, cập nhật thông tin sinh trắc học về giọng nói vào Cơ sở dữ liệu về căn cước (Mã thủ tục: 1.012547)

4.1. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Cá nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật.

Bước 2: Nộp hồ sơ tại cơ quan quản lý căn cước của Công an cấp tỉnh (Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội, Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương) trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú.

Bước 3: Cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ.

- Trường hợp thông tin sinh trắc học về giọng nói của công dân đã có trong hệ thống thông tin của cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 13 Nghị định số 70/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 thì trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đề nghị của công dân, cơ quan quản lý căn cước Công an cấp tỉnh có trách nhiệm phối hợp kiểm tra, đối sánh và xác thực đảm bảo tính chính xác của thông tin trước khi thu thập, cập nhật vào Cơ sở dữ liệu căn cước;

- Trường hợp thông tin giọng nói của công dân chưa có trong hệ thống thông tin của cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 13 Nghị định số 70/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 thì cơ quan quản lý căn cước Công an cấp tỉnh thực hiện trực tiếp thu thập thông tin sinh trắc học về giọng nói để cập nhật vào Cơ sở dữ liệu căn cước.

- Trường hợp hồ sơ không đầy đủ thì hướng dẫn công dân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ; trường hợp hồ sơ không hợp lệ thì từ chối tiếp nhận và nêu rõ lý do bằng Thông báo về việc từ chối giải quyết thủ tục về căn cước (Mẫu CC03 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an).

4.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại cơ quan quản lý căn cước của Công an cấp tỉnh (Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội, Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương) trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú.

- Nộp hồ sơ trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công Bộ Công an, ứng dụng định danh quốc gia để đăng ký thời gian, địa điểm thực hiện thủ tục.

- Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật).

4.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a. Thành phần hồ sơ:

- Phiếu đề nghị giải quyết thủ tục về căn cước (Mẫu DC02 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA của Bộ Công an).

- Giấy tờ, tài liệu có giá trị pháp lý xác thực kết quả thu nhận, phân tích, lưu trữ giọng nói của cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 13 Nghị định số 70/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước (nếu có).

- Văn bản cam kết bảo đảm sức khỏe bình thường không ảnh hưởng đến giọng nói đối với trường hợp quy định tại điểm d khoản 7 Điều 13 Nghị định số 70/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước.

- Xuất trình thẻ căn cước của công dân để cơ quan Công an kiểm tra, xác định đúng người đề nghị thực hiện thủ tục.

b. Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

4.4. Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc.

4.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: cá nhân có nhu cầu thu thập, cập nhật thông tin sinh trắc học về giọng nói vào Cơ sở dữ liệu về căn cước.

4.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: cơ quan quản lý căn cước của Công an cấp tỉnh (Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội, Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương) trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú.

4.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: thông báo kết quả thu thập, cập nhật thông tin sinh trắc học về giọng nói vào Cơ sở dữ liệu về căn cước.

4.8. Lệ phí: Chưa quy định.

4.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Phiếu đề nghị giải quyết thủ tục về căn cước (Mẫu DC02 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA của Bộ Công an).

4.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Công dân cam kết tình trạng giọng nói bình thường, không bị ảnh hưởng trước khi thu thập, cập nhật vào Cơ sở dữ liệu về căn cước.

4.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Căn cước số 26/2023/QH15 ngày 27/11/2023.

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị.

- Nghị định số 70/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước.

- Thông tư số 16/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định về mẫu thẻ căn cước, mẫu giấy chứng nhận căn cước.

- Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước.

- Thông tư số 18/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định về quy trình cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước, giấy chứng nhận căn cước.

5. Thủ tục: Tích hợp, cập nhật, điều chỉnh thông tin trên thẻ căn cước (Mã thủ tục: 1.012548)

5.1. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Cá nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật.

Bước 2: Nộp hồ sơ:

- Công dân nộp hồ sơ tại cơ quan quản lý căn cước của Công an cấp tỉnh (Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội, Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương) trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú.

- Công dân nộp hồ sơ thông qua Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công Bộ Công an, ứng dụng định danh quốc gia lựa chọn thông tin cần tích

hợp, cập nhật, điều chỉnh đã có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước, đồng thời đăng ký thời gian, địa điểm thực hiện tích hợp tại cơ quan quản lý căn cước của Công an cấp tỉnh trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú.

Bước 3: Cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ.

- Chuyển yêu cầu tích hợp đến cơ quan quản lý căn cước của Bộ Công an kèm theo hồ sơ đề nghị cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước (Đối với trường hợp tích hợp thông tin trên thẻ căn cước khi thực hiện thủ tục cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước);

- Trường hợp thông tin đề nghị tích hợp, cập nhật, điều chỉnh chưa có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước thì cơ quan quản lý căn cước Công an cấp tỉnh thực hiện tiếp nhận và chuyển yêu cầu tích hợp, cập nhật, điều chỉnh thông tin tới cơ quan quản lý căn cước của Bộ Công an để xác thực thông tin đề nghị tích hợp thông qua cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành. Sau khi xác thực thành công thì thực hiện tích hợp, cập nhật, điều chỉnh thông tin vào thẻ căn cước.

- Trường hợp hồ sơ không đầy đủ thì hướng dẫn công dân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ; trường hợp hồ sơ không hợp lệ thì từ chối tiếp nhận và nêu rõ lý do bằng Thông báo về việc từ chối giải quyết thủ tục về căn cước (Mẫu CC03 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an).

5.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại cơ quan quản lý căn cước của Công an cấp tỉnh (Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội, Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương) trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú.

- Nộp hồ sơ trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công Bộ Công an, ứng dụng định danh quốc gia để đăng ký thời gian, địa điểm thực hiện thủ tục.

- Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 và sáng thứ 7 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật).

5.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a. Thành phần hồ sơ:

- Phiếu đề nghị giải quyết thủ tục về căn cước (Mẫu DC02 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA của Bộ Công an).

- Xuất trình thẻ căn cước của công dân để cơ quan Công an kiểm tra, xác định đúng người đề nghị thực hiện thủ tục (đối với trường hợp tích hợp, cập nhật, điều chỉnh thông tin trên thẻ căn cước đã cấp).

- Phiếu thu nhận thông tin căn cước (Mẫu CC01 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA của Bộ Công an) đối với trường hợp tích hợp thông tin trên thẻ căn cước khi thực hiện thủ tục cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước.

b. Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

5.4. Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc.

5.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: cá nhân có nhu cầu tích hợp, cập nhật, điều chỉnh thông tin trên thẻ căn cước.

5.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: cơ quan quản lý căn cước của Công an cấp tỉnh (Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội, Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương) trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú.

5.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: thông báo kết quả tích hợp, cập nhật, điều chỉnh thông tin trên thẻ căn cước.

5.8. Lệ phí: Chưa quy định.

5.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Phiếu đề nghị giải quyết thủ tục về căn cước (Mẫu DC02 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA của Bộ Công an);

- Phiếu thu nhận thông tin căn cước (Mẫu CC01 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an) đối với trường hợp thực hiện tích hợp cùng thời điểm với cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước.

5.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Thông tin đề nghị tích hợp, cập nhật, điều chỉnh phải được xác thực qua Cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

5.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Căn cước số 26/2023/QH15 ngày 27/11/2023.

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị.

- Nghị định số 70/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước.

- Thông tư số 16/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định về mẫu thẻ căn cước, mẫu giấy chứng nhận căn cước.

- Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước.

- Thông tư số 18/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định về quy trình cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước, giấy chứng nhận căn cước.

6. Thủ tục: Cấp đổi thẻ căn cước (Mã thủ tục: 2.001196)

6.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1:

+ Công dân đến cơ quan quản lý căn cước của Công an cấp tỉnh (Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội, Công an các tỉnh, thành phố trực

thuộc Trung ương) trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú đề nghị cấp đổi thẻ căn cước.

+ Công dân nộp hồ sơ thông qua Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công Bộ Công an, ứng dụng định danh quốc gia lựa chọn thủ tục, kiểm tra thông tin của mình được khai thác trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Trường hợp thông tin chính xác thì đăng ký thời gian, địa điểm thực hiện thủ tục tại cơ quan quản lý căn cước của Công an cấp tỉnh. Hệ thống sẽ xác nhận và tự động chuyển đề nghị của công dân đến cơ quan quản lý căn cước nơi công dân đề nghị cấp đổi thẻ căn cước.

+ Trường hợp người đề nghị cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước là người đại diện hợp pháp của người dưới 14 tuổi thì hồ sơ đề nghị cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước phải có giấy tờ, tài liệu có giá trị pháp lý chứng minh là người đại diện hợp pháp của người dưới 14 tuổi.

+ Trường hợp người đại diện hợp pháp thực hiện thủ tục cấp đổi thẻ căn cước cho người dưới 06 tuổi qua Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công Bộ Công an, ứng dụng định danh quốc gia thì lựa chọn thủ tục, kiểm tra thông tin của người dưới 06 tuổi trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Trường hợp thông tin chính xác thì người đại diện hợp pháp xác nhận chuyển hồ sơ đề nghị đến cơ quan quản lý căn cước xem xét, giải quyết việc cấp đổi thẻ căn cước.

+ Trường hợp công dân có yêu cầu cấp đổi thẻ căn cước khi thông tin trên thẻ căn cước thay đổi do sắp xếp đơn vị hành chính qua thông qua Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công Bộ Công an, ứng dụng định danh quốc gia lựa chọn thủ tục cấp đổi thẻ căn cước, kiểm tra thông tin của mình được khai thác trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Trường hợp thông tin chính xác thì xác nhận chuyển hồ sơ đề nghị cấp lại thẻ căn cước đến cơ quan quản lý căn cước của Công an cấp tỉnh.

- Bước 2: Công dân cung cấp thông tin gồm họ, chữ đệm và tên khai sinh, số định danh cá nhân, nơi cư trú để người tiếp nhận kiểm tra đối chiếu thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư;

- Bước 3: Cán bộ thu nhận tìm kiếm thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để lập hồ sơ cấp đổi thẻ căn cước.

+ Trường hợp cấp đổi thẻ căn cước khi thông tin trên thẻ căn cước thay đổi do sắp xếp đơn vị hành chính thì cán bộ thu nhận sử dụng thông tin về ảnh khuôn mặt, vân tay, mống mắt đã được thu nhận lần gần nhất và các thông tin hiện có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước để cấp đổi thẻ căn cước.

+ Trường hợp thông tin công dân không có sự thay đổi, điều chỉnh thì sử dụng thông tin của công dân trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để lập hồ sơ cấp đổi thẻ căn cước.

+ Trường hợp thông tin công dân có sự thay đổi, điều chỉnh thì Cán bộ thu nhận hướng dẫn công dân thực hiện thủ tục điều chỉnh thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư trước khi thực hiện thủ tục cấp đổi thẻ căn cước.

+ Trường hợp công dân không đủ điều kiện đổi thẻ căn cước thì từ chối tiếp nhận và nêu rõ lý do, thông báo về việc từ chối giải quyết thủ tục về căn cước (mẫu CC03 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an).

- Bước 4: Tiến hành thu nhận vân tay, chụp ảnh khuôn mặt, thu nhận ảnh mống mắt của công dân từ đủ 06 tuổi trở lên trừ trường hợp cấp đổi thẻ căn cước khi thông tin trên thẻ căn cước thay đổi do sắp xếp đơn vị hành chính.

- Bước 5: In Phiếu thu nhận thông tin căn cước chuyển cho công dân hoặc người đại diện của người dưới 14 tuổi kiểm tra, ký xác nhận; in Phiếu đề nghị giải quyết thủ tục về căn cước (nếu có) cho công dân hoặc người đại diện của người dưới 14 tuổi kiểm tra, ký xác nhận.

- Bước 6: Thu thẻ căn cước cũ, thu lệ phí (nếu có) và cấp giấy hẹn trả kết quả giải quyết thủ tục về căn cước (mẫu CC02 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an) cho công dân.

- Bước 7: Công dân nhận kết quả trực tiếp tại cơ quan quản lý căn cước của Công an cấp tỉnh hoặc trả qua dịch vụ bưu chính đến địa chỉ theo yêu cầu.

6.2. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại địa điểm tiếp dân cơ quan quản lý căn cước của Công an cấp tỉnh (Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội, Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương) trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú.

- Thông qua Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công Bộ Công an, Ứng dụng định danh quốc gia để đăng ký thời gian, địa điểm làm thủ tục đề nghị cấp đổi thẻ căn cước tại cơ quan quản lý căn cước của Công an cấp tỉnh trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú.

- Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 và sáng thứ 7 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật).

6.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a. Thành phần hồ sơ:

- Phiếu thu nhận thông tin căn cước (mẫu CC01 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an). Phiếu được tạo lập khi trích xuất thông tin của công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và in trong quá trình thu nhận hồ sơ căn cước để công dân kiểm tra và ký xác nhận.

- Phiếu đề nghị giải quyết thủ tục về căn cước (Mẫu DC02 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA của Bộ Công an). Phiếu này là biểu mẫu điện tử, công dân kê khai đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến.

- Trường hợp người đề nghị cấp đổi thẻ căn cước là người đại diện hợp pháp của người dưới 14 tuổi thì hồ sơ đề nghị cấp đổi thẻ căn cước phải có giấy tờ, tài liệu có giá trị pháp lý chứng minh là người đại diện hợp pháp của người dưới 14 tuổi.

b. Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

6.4. Thời hạn giải quyết: Không quá 07 ngày làm việc.

6.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Công dân Việt Nam đã được cấp thẻ căn cước thực hiện cấp đổi thẻ căn cước trong các trường hợp sau đây:

- Khi công dân đủ 14 tuổi, 25 tuổi, 40 tuổi và 60 tuổi.

- Thay đổi, cải chính thông tin về họ, chữ đệm, tên khai sinh; ngày, tháng, năm sinh;

- Thay đổi nhân dạng; bổ sung thông tin về ảnh khuôn mặt, vân tay; xác định lại giới tính hoặc chuyển đổi giới tính theo quy định của pháp luật;

- Có sai sót về thông tin in trên thẻ căn cước;

- Theo yêu cầu của người được cấp thẻ căn cước khi thông tin trên thẻ căn cước thay đổi do sắp xếp đơn vị hành chính;

- Xác lập lại số định danh cá nhân;

- Khi người được cấp thẻ căn cước có yêu cầu.

6.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: cơ quan quản lý căn cước của Công an cấp tỉnh (Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội, Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương) trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú.

6.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Thẻ căn cước (mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 16/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an);

6.8. Lệ phí: Cấp đổi thẻ căn cước đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 24 Luật Căn cước: 50.000 đồng/thẻ căn cước;

Kể từ ngày 21/10/2024 đến hết ngày 31/12/2024, mức thu lệ phí cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước bằng 50% mức thu lệ phí quy định.

Kể từ ngày 01/01/2025 đến hết ngày 31/12/2025, mức thu lệ phí khi công dân nộp hồ sơ cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước theo hình thức trực tuyến bằng 50% mức thu lệ phí quy định.

6.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Phiếu thu nhận thông tin căn cước (mẫu CC01 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an).

6.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

6.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Căn cước số 26/2023/QH15 ngày 27/11/2023.

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị.

- Nghị định số 70/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước.

- Thông tư số 16/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định về mẫu thẻ căn cước, mẫu giấy chứng nhận căn cước.

- Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước.

- Thông tư số 18/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định về quy trình cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước, giấy chứng nhận căn cước.

- Thông tư số 73/2024/TT-BTC ngày 21/10/2024 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp lệ phí cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước.

7. Thủ tục: Cấp lại thẻ căn cước (Mã thủ tục: 2.001194)

7.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1:

+ Công dân đến cơ quan quản lý căn cước của Công an cấp tỉnh đề nghị cấp lại thẻ căn cước hoặc thông qua Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công Bộ Công an, ứng dụng định danh quốc gia lựa chọn thủ tục cấp lại thẻ căn cước, kiểm tra thông tin của mình được khai thác trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Trường hợp thông tin chính xác thì xác nhận chuyển hồ sơ đề nghị cấp lại thẻ căn cước đến cơ quan quản lý căn cước của Công an cấp tỉnh trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú.

+ Trường hợp người đề nghị cấp lại thẻ căn cước là người đại diện hợp pháp của người dưới 14 tuổi thì hồ sơ đề nghị cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước phải có giấy tờ, tài liệu có giá trị pháp lý chứng minh là người đại diện hợp pháp của người dưới 14 tuổi.

- Bước 2: Cán bộ thu nhận thông tin công dân tìm kiếm thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để lập hồ sơ cấp lại thẻ căn cước.

- Bước 3:

+ Trường hợp cấp lại thẻ căn cước do bị mất thẻ căn cước hoặc thẻ căn cước bị hư hỏng không sử dụng được thì cán bộ thu nhận sử dụng thông tin về ảnh khuôn mặt, vân tay, mống mắt đã được thu nhận lần gần nhất và các thông tin hiện có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước để cấp lại thẻ căn cước.

+ Trường hợp cấp lại thẻ căn cước quy định tại điểm b khoản 2 Điều 24 Luật Căn cước (Được trở lại quốc tịch Việt Nam theo quy định của pháp luật về quốc tịch Việt Nam), các bước thực hiện như đối với thủ tục cấp mới thẻ căn cước.

+ Trường hợp công dân không đủ điều kiện cấp lại thẻ căn cước thì từ chối tiếp nhận và nêu rõ lý do, thông báo về việc từ chối giải quyết thủ tục về

căn cước (mẫu CC03 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an).

- Bước 4: Tiến hành thu nhận vân tay, chụp ảnh khuôn mặt và thu nhận ảnh mống mắt của công dân (áp dụng với trường hợp cấp lại thẻ căn cước quy định tại điểm b khoản 2 Điều 24 Luật Căn cước).

- Bước 5: In Phiếu thu nhận thông tin căn cước chuyển cho công dân hoặc người đại diện của người dưới 14 tuổi kiểm tra, ký xác nhận đối với trường hợp công dân trực tiếp đến thực hiện thủ tục cấp lại tại cơ quan quản lý căn cước của Công an cấp tỉnh.

- Bước 6: Thu thẻ căn cước cũ (nếu có), thu lệ phí (nếu có) và cấp giấy hẹn trả kết quả giải quyết thủ tục về căn cước (mẫu CC02 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an) cho công dân (bản giấy hoặc bản điện tử).

- Bước 7: Nhận kết quả trực tiếp tại cơ quan quản lý căn cước của Công an cấp tỉnh hoặc trả qua dịch vụ bưu chính đến địa chỉ theo yêu cầu.

7.2. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại địa điểm tiếp dân cơ quan quản lý căn cước của Công an cấp tỉnh (Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội, Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương) trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú.

- Thực hiện trực tuyến thông qua Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công Bộ Công an, Ứng dụng định danh quốc gia.

- Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 và sáng thứ 7 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật).

7.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a. Thành phần hồ sơ:

- Phiếu thu nhận thông tin căn cước (mẫu CC01 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an). Phiếu được tạo lập khi trích xuất thông tin của công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và in trong quá trình thu nhận hồ sơ căn cước để công dân kiểm tra và ký xác nhận.

- Phiếu đề nghị giải quyết thủ tục về căn cước (Mẫu DC02 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA của Bộ Công an). Phiếu này là biểu mẫu điện tử, công dân kê khai đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến.

- Trường hợp người đề nghị cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước là người đại diện hợp pháp của người dưới 14 tuổi thì hồ sơ đề nghị cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước phải có giấy tờ, tài liệu có giá trị pháp lý chứng minh là người đại diện hợp pháp của người dưới 14 tuổi.

b. Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

7.4. Thời hạn giải quyết: Không quá 07 ngày làm việc.

7.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Công dân Việt Nam đã được cấp thẻ căn cước thực hiện cấp lại thẻ căn cước trong các trường hợp sau đây:

- Bị mất thẻ căn cước hoặc thẻ căn cước bị hư hỏng không sử dụng được, trừ trường hợp quy định tại Điều 21 của Luật Căn cước;

- Được trở lại quốc tịch Việt Nam theo quy định của pháp luật về quốc tịch Việt Nam.

7.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: cơ quan quản lý căn cước của Công an cấp tỉnh (Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội, Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương).

7.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Thẻ căn cước (mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 16/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an).

7.8. Lệ phí: Cấp lại thẻ căn cước đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 24 Luật Căn cước: 70.000 đồng/thẻ căn cước.

Kể từ ngày 21/10/2024 đến hết ngày 31/12/2024, mức thu lệ phí cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước bằng 50% mức thu lệ phí quy định.

Kể từ ngày 01/01/2025 đến hết ngày 31/12/2025, mức thu lệ phí khi công dân nộp hồ sơ cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước theo hình thức trực tuyến bằng 50% mức thu lệ phí quy định.

7.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Phiếu đề nghị giải quyết thủ tục về căn cước (mẫu DC02 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an).

7.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

7.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Căn cước số 26/2023/QH15 ngày 27/11/2023.

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị.

- Nghị định số 70/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước.

- Thông tư số 16/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định về mẫu thẻ căn cước, mẫu giấy chứng nhận căn cước.

- Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước.

- Thông tư số 18/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định về quy trình cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước, giấy chứng nhận căn cước.

- Thông tư số 73/2024/TT-BTC ngày 21/10/2024 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp lệ phí cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước.

8. Thủ tục: Cấp đổi giấy chứng nhận căn cước (Mã thủ tục: 1.012550)

8.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch đến cơ quan quản lý căn cước của Công an cấp tỉnh trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú đề nghị cấp đổi giấy chứng nhận căn cước cung cấp thông tin gồm họ, chữ đệm và tên khai sinh, số định danh cá nhân, nơi ở hiện tại để người tiếp nhận kiểm tra đối chiếu thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

- Bước 2: Cán bộ thu nhận tìm kiếm thông tin người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để lập hồ sơ cấp đổi giấy chứng nhận căn cước.

+ Trường hợp thông tin người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch không có sự thay đổi, điều chỉnh thì sử dụng thông tin người đó trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để lập hồ sơ cấp đổi giấy chứng nhận căn cước.

+ Trường hợp thông tin người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch có sự thay đổi, điều chỉnh thì đề nghị người đó thực hiện thủ tục điều chỉnh thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư trước khi thực hiện cấp đổi giấy chứng nhận căn cước.

+ Trường hợp người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch không đủ điều kiện cấp đổi giấy chứng nhân căn cước thì từ chối tiếp nhận và nêu rõ lý do, thông báo về việc từ chối giải quyết thủ tục về căn cước (Mẫu CC03 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an).

- Bước 3: Tiến hành thu nhận vân tay, ảnh khuôn mặt, mống mắt của người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch (không thu nhận vân tay, ảnh khuôn mặt, mống mắt của người dưới 06 tuổi).

- Bước 4: In Phiếu thu nhận thông tin căn cước chuyển cho người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch kiểm tra, ký xác nhận;

- Bước 5: Thu giấy chứng nhận căn cước cũ, cấp giấy hẹn trả kết quả giải quyết thủ tục về căn cước cho người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch.

- Bước 6: Nhận kết quả trực tiếp tại cơ quan quản lý căn cước của Công an cấp tỉnh hoặc trả qua dịch vụ bưu chính đến địa chỉ theo yêu cầu.

8.2. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại trụ sở cơ quan quản lý căn cước của Công an cấp tỉnh (Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội, Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương) trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú.

- Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 và sáng thứ 7 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật).

8.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a. Thành phần hồ sơ:

- Phiếu thu nhận thông tin căn cước (Mẫu CC01 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an); Phiếu được tạo lập khi trích xuất thông tin của người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và in trong quá trình thu nhận hồ sơ căn cước để người đó kiểm tra và ký xác nhận.

b. Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

8.4. Thời hạn giải quyết: Không quá 07 ngày làm việc.

8.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch đã được cấp giấy chứng nhận căn cước thực hiện cấp đổi giấy chứng nhận căn cước trong các trường hợp sau đây:

- Bị hư hỏng không sử dụng được;

- Thay đổi thông tin về căn cước;

- Có sai sót về thông tin trên giấy chứng nhận căn cước;

- Khi người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch có yêu cầu;

- Giấy chứng nhận căn cước hết hạn sử dụng.

8.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: cơ quan quản lý căn cước của Công an cấp tỉnh (Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội, Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương) trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú.

8.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy chứng nhận căn cước (mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 16/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an);

8.8. Lệ phí: Không thu lệ phí.

8.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Phiếu thu nhận thông tin căn cước (Mẫu CC01 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an);

8.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

8.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Căn cước số 26/2023/QH15 ngày 27/11/2023.

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị.

- Nghị định số 70/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước.

- Thông tư số 16/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định về mẫu thẻ căn cước, mẫu giấy chứng nhận căn cước.

- Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước.

- Thông tư số 18/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định về quy trình cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước, giấy chứng nhận căn cước.

9. Thủ tục: Cấp lại giấy chứng nhận căn cước (Mã thủ tục: 1.012551)

9.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch đến cơ quan quản lý căn cước của Công an cấp tỉnh trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú đề nghị cấp lại giấy chứng nhận căn cước cung cấp thông tin gồm họ, chữ đệm và tên khai sinh, số định danh cá nhân, nơi ở hiện tại để người tiếp nhận kiểm tra đối chiếu thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

- Bước 2: Cán bộ thu nhận tìm kiếm thông tin người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để lập hồ sơ cấp lại giấy chứng nhận căn cước.

+ Trường hợp thông tin người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch không có sự thay đổi, điều chỉnh thì sử dụng thông tin người đó trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để lập hồ sơ cấp lại giấy chứng nhận căn cước.

+ Trường hợp thông tin người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch có sự thay đổi, điều chỉnh thì đề nghị người đó thực hiện thủ tục điều chỉnh thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư trước khi thực hiện cấp lại giấy chứng nhận căn cước.

+ Trường hợp người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch không đủ điều kiện cấp lại giấy chứng nhân căn cước thì từ chối tiếp nhận và nêu rõ lý do, thông báo về việc từ chối giải quyết thủ tục về căn cước (Mẫu CC03 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an).

- Bước 3: Tiến hành thu nhận vân tay, ảnh khuôn mặt, mống mắt của người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch (không thu nhận vân tay ảnh khuôn mặt, mống mắt của người dưới 06 tuổi).

- Bước 4: In Phiếu thu nhận thông tin căn cước chuyển cho người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch kiểm tra, ký xác nhận;

- Bước 5: Cấp giấy hẹn trả kết quả giải quyết thủ tục về căn cước cho người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch (Mẫu CC02 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an).

- Bước 6: Nhận kết quả trực tiếp tại cơ quan quản lý căn cước của Công an cấp tỉnh hoặc trả qua dịch vụ bưu chính đến địa chỉ theo yêu cầu.

9.2. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại trụ sở cơ quan quản lý căn cước của Công an cấp tỉnh (Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội, Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương) trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú.

- Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 và sáng thứ 7 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật).

9.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a. Thành phần hồ sơ:

- Phiếu thu nhận thông tin căn cước (Mẫu CC01 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an); Phiếu được tạo lập khi trích xuất thông tin của người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và in trong quá trình thu nhận hồ sơ căn cước để người đó kiểm tra và ký xác nhận.

b. Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

9.4. Thời hạn giải quyết: Không quá 07 ngày làm việc.

9.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch đã được cấp giấy chứng nhận căn cước thực hiện cấp lại giấy chứng nhận căn cước trong trường hợp bị mất giấy chứng nhận căn cước.

9.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: cơ quan quản lý căn cước của Công an cấp tỉnh (Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội, Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương) trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú.

9.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy chứng nhận căn cước (mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 16/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an);

9.8. Lệ phí: Không thu lệ phí.

9.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Phiếu thu nhận thông tin căn cước (Mẫu CC01 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an);

9.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

9.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Căn cước số 26/2023/QH15 ngày 27/11/2023.

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị.

- Nghị định số 70/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước.

- Thông tư số 16/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định về mẫu thẻ căn cước, mẫu giấy chứng nhận căn cước.

- Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước.

- Thông tư số 18/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 của Bộ Công an quy định về quy trình cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước, giấy chứng nhận căn cước.

C. CÁC MẪU ĐƠN, MẪU TỜ KHAI

1. Phiếu thu nhận thông tin căn cước (ký hiệu là CC01) .

2. Giấy hẹn trả kết quả giải quyết thủ tục về căn cước (ký hiệu là CC02).

3. Thông báo về việc từ chối giải quyết thủ tục về căn cước (ký hiệu là CC03).

4. Giấy xác nhận số chứng minh nhân dân 09 số, số định danh cá nhân (ký hiệu là CC04).

5. Phiếu thu thập thông tin dân cư (ký hiệu là DC01).

6. Phiếu đề nghị giải quyết thủ tục về căn cước (ký hiệu là DC02).

7. Phiếu cung cấp thông tin trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cơ sở dữ liệu căn cước (ký hiệu là DC03).

Các biểu mẫu được ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15/5/2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước.